Bản tin

THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

Số ra ngày 10/10/2024

BẢN TIN
THỊ TRƯỜNG
NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

Cục Xuất nhập khẩu,
Bộ Công Thương
Tel: 024.22205440;
Email:
Huongnth@moit.gov.vn;
huyenngt@moit.gov.vn;

- Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại,
Bộ Công Thương
Tel: 024.22192875;
Email:
tuoanhbta@gmail.com;
Mọi ý kiến đóng góp xin liên hệ
số điện thoại và email trên

Giấy phép xuất bản số:
43/GP-XBBT ngày 14/8/2024

TÌNH HÌNH CHUNG 3

THỊ TRƯỜNG CAO SU 5

THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ 12

THỊ TRƯỜNG SẮN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẮN 17

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN 23

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ 28

THÔNG TIN CHÍNH SÁCH/CHUYÊN ĐỀ 33

TÌNH HÌNH CHUNG

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

▶ Cao su: Đầu tháng 10/2024, giá cao su tại thị trường châu Á giảm trở lại do chịu ảnh hưởng từ thông tin về sự trì hoãn trong việc thực hiện luật chống phá rừng của Liên minh châu Âu. Năm 2024, sản lượng cao su của Thái Lan dự báo đạt 4,6 triệu tấn, giảm 1% so với năm 2023; xuất khẩu cao su của Thái Lan dự kiến sẽ đạt 4,12 triệu tấn, giảm 11,2% so với năm 2023.

▶ Rau quả: Sầu riêng của Thái Lan đang chiếm lĩnh thị trường Xin-ga-po do Ma-lai-xi-a đã kết thúc vụ mùa năm 2024. Sản lượng và quá trình thu hoạch khoai lang của nhiều nước trên thế giới bị ảnh hưởng do thời tiết không thuận lợi.

▶ Sắn và sản phẩm từ sắn: Đầu tháng 10/2024, giá sắn nguyên liệu, tinh bột sắn nội địa và tinh bột sắn xuất khẩu tại Thái Lan giảm; trong khi giá sàn xuất khẩu sắn lát được giữ ổn định so với cuối tháng trước. 8 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu sắn lát của Thái Lan giảm mạnh, trong khi xuất khẩu tinh bột sắn lại tăng so với cùng kỳ năm 2023.

▶ Thủy sản: Ngành tôm Ê-cu-a-đo kỳ vọng giá tăng khi mùa lễ hội đến gần. Sản lượng khai thác cá cơm của Pê-ru tăng mạnh.

▶ Gỗ và sản phẩm gỗ: 7 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu đồ nội thất của In-đô-nê-xi-a đạt 1,2 tỷ USD. Xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Bra-xin trong tháng 8/2024 đạt 48,3 triệu USD, giảm 10,6% so với tháng 8/2023.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

- Cao su: 9 tháng đầu năm 2024, Việt Nam xuất khẩu 1,31 triệu tấn cao su, trị giá 2,09 tỷ USD, giảm 6,2% về lượng, nhưng tăng 11,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Trong 8 tháng đầu năm 2024, Trung Quốc nhập khẩu 4,69 triệu tấn cao su, trị giá 7,82 tỷ USD, giảm 13,6% về lượng và giảm 2,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023; thị phần cao su của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc giảm so với cùng kỳ năm 2023.

- Rau quả: Tháng 9/2024, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam đạt 917,25 triệu USD, tăng 8,7% so với tháng trước và tăng 37,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang hầu hết các thị trường tiềm năng giảm so với tháng 8/2024, nhưng xuất khẩu sang Trung Quốc vẫn tăng mạnh. Thị phần chuối của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Trung Quốc tăng từ 31,33% trong 8 tháng đầu năm 2023 lên 40,71% trong 8 tháng đầu năm 2024.

- Sắn và sản phẩm từ sắn: 9 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn đạt 1,91 triệu tấn, trị giá 879,22 triệu USD, giảm 10% về lượng và giảm 1,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. 8 tháng đầu năm 2024, thị phần sắn lát và tinh bột sắn của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc tăng so với cùng kỳ năm 2023.

- Thủy sản: 9 tháng năm 2024, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 7,22 tỷ USD, tăng 9,5% so với 9 tháng năm 2023. Nhập khẩu thủy sản của Bra-xin từ Việt Nam trong 7 tháng năm 2024 tăng 60,1% so với cùng kỳ năm 2023.

- Gỗ và sản phẩm gỗ: Tháng 9/2024, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam giảm 17,1% so với tháng 8/2024, nhưng tăng 10,9% so với tháng 9/2023. Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam tăng trong tổng trị giá nhập khẩu của thị trường Trung Quốc.

THỊ TRƯỜNG CAO SU

▶ *Đầu tháng 10/2024, giá cao su tại thị trường châu Á giảm trở lại do chịu ảnh hưởng từ thông tin về sự trì hoãn trong việc thực hiện luật chống phá rừng của Liên minh châu Âu.*

▶ *Năm 2024, sản lượng cao su của Thái Lan dự báo đạt 4,6 triệu tấn, giảm 1% so với năm 2023; Xuất khẩu cao su của Thái Lan dự kiến sẽ đạt 4,12 triệu tấn, giảm 11,2% so với năm 2023.*

▶ *9 tháng đầu năm 2024, Việt Nam xuất khẩu 1,31 triệu tấn cao su, trị giá 2,09 tỷ USD, giảm 6,2% về lượng, nhưng tăng 11,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.*

▶ *Trong 8 tháng đầu năm 2024, Trung Quốc nhập khẩu 4,69 triệu tấn cao su, trị giá 7,82 tỷ USD, giảm 13,6% về lượng và giảm 2,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023; thị phần cao su của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc giảm so với cùng kỳ năm 2023.*

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Từ đầu tháng 10/2024 đến nay, giá cao su tại các sàn giao dịch châu Á giảm nhẹ so với cuối tháng trước, nhưng vẫn đứng ở mức cao nhiều năm trở lại đây. Thị trường chịu áp lực trước lo ngại về sự trì hoãn trong việc thực hiện luật chống phá rừng của Liên minh châu Âu. Tuy nhiên, giá cao su trên thị trường vẫn được hỗ trợ bởi lo ngại về nguồn cung.

+ Tại Sở giao dịch hàng hóa Osaka Exchange (OSE), từ đầu tháng 10/2024 đến nay, giá cao su RSS3 biến động mạnh, sau khi tăng lên mức 439,7 Yên/kg (ngày 02/10/2024) giá giảm trở lại. Ngày 09/10/2024, giá cao su RSS3 giao kỳ hạn gần ở mức 417 Yên/kg (tương đương 2,81 USD/kg), giảm 0,2% so với cuối tháng 9/2024, nhưng tăng 82% so với cùng kỳ năm 2023.

Diễn biến giá cao su RSS3 tại sàn OSE từ đầu năm 2024 đến nay (ĐVT: Yên/kg)

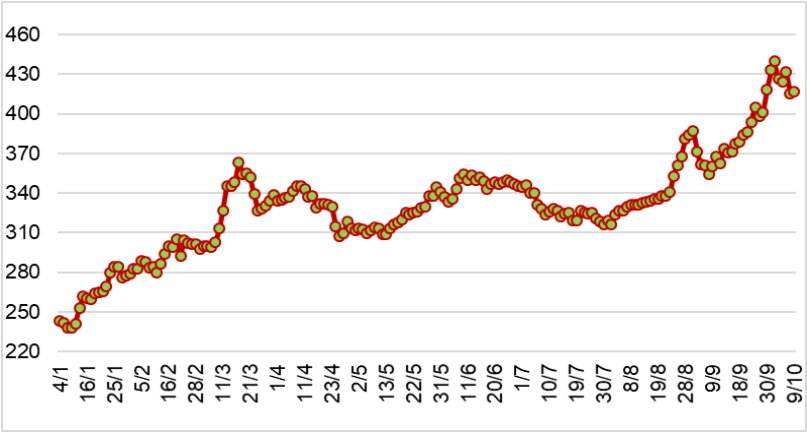

Nguồn: cf.market-info.jp

+ Sàn giao dịch tương lai Thượng Hải (SHFE) đóng cửa nghỉ lễ Quốc khánh Trung Quốc từ ngày 01-07/10/2024. Sau khi giao dịch trở lại, giá cao su RSS3 giảm so với cuối tháng trước. Ngày 09/10/2024 giá cao su RSS3 giao kỳ hạn gần ở mức 17.775 NDT/tấn (tương đương 2,52 USD/kg), giảm 1,6% so với cuối tháng 9/2024, nhưng tăng 39,6% so với cùng kỳ năm 2023.

Diễn biến giá cao su tại sàn SHFE từ đầu năm 2024 đến nay (ĐVT: NDT/tấn)

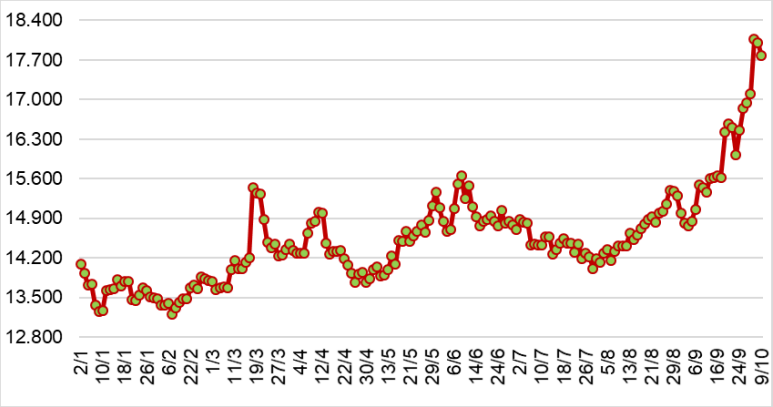

Nguồn: shfe.com.cn

+ Tại Thái Lan, giá cao su RSS3 cũng giảm nhẹ so với cuối tháng trước. Ngày 09/10/2024, giá cao su RSS3 chào bán ở mức 87,91 Baht/kg (tương đương 2,63 USD/kg), giảm 0,8% so với cuối tháng 9/2024, nhưng tăng 55,2% so với cùng kỳ năm 2023. Năm 2024, sản lượng cao su của Thái Lan dự báo sẽ đạt 4,6 triệu tấn, giảm 1% so với năm 2023 do ảnh hưởng của thời tiết thất thường. Tiêu thụ của nước này dự kiến sẽ tăng 1,6%, tương đương tăng 1,2 triệu tấn, nhờ chính sách thúc đẩy tiêu dùng cao su trong nước. Xuất khẩu cao su của Thái Lan dự kiến sẽ đạt 4,12 triệu tấn, giảm 11,2% so với năm 2023.

Diễn biến giá cao su RSS3 tại Thái Lan từ đầu năm 2024 đến nay (ĐVT: Baht/kg)

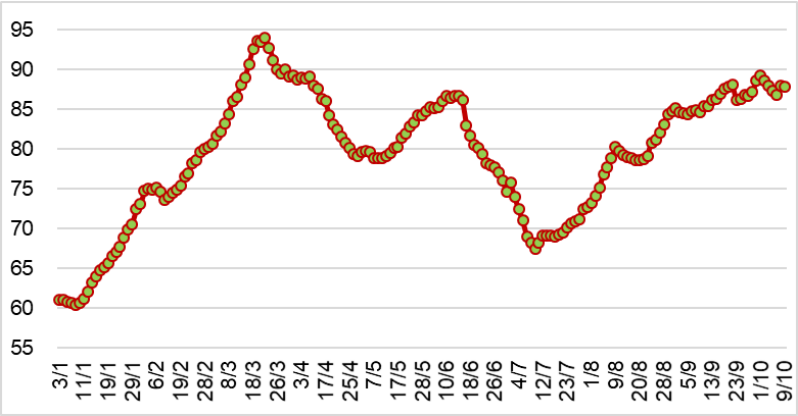

Nguồn: thainr.com

Dự báo giá cao su tự nhiên sẽ tiếp tục đứng ở mức cao do thiếu hụt nguồn cung. Hiệp hội Các nước sản xuất cao su Tự nhiên (ANRPC) đã điều chỉnh dự báo về sự thiếu hụt cao su tự nhiên trong năm nay và cảnh báo tình trạng thiếu hụt có thể kéo dài đến năm 2028. ANRPC đã hạ dự báo về nguồn cung cao su tự nhiên do điều kiện khí hậu không thuận lợi khi hiện tượng thời tiết El Nino chuyển sang La Nina, cùng với bệnh rụng lá lan rộng ảnh hưởng tiêu cực đến cả sản lượng và chất lượng mủ cao su. Trong khi đó, nhu cầu cao su tự nhiên đang có xu hướng tăng, dẫn đến sự gia tăng mạnh của giá mặt hàng này trong thời gian qua.

THỊ TRƯỜNG CAO SU TRONG NƯỚC

Từ đầu tháng 10/2024 đến nay, giá mủ cao su nguyên liệu tại một số tỉnh, thành phố tiếp tục xu hướng tăng so với tháng trước. Tại một số công ty cao su, hiện giá thu mua mủ cao su nguyên liệu duy trì quanh mức 430-470đồng/TSC. Trong đó, Công ty Cao su Phú Riềng báo giá thu mua ở mức 430-470 đồng/TSC, tăng 35 đồng/TSC so với cuối tháng trước. Công ty Cao su Bà Rịa báo giá thu mua ở mức 440-450 đồng/TSC, tăng 26 đồng/TSC so với cuối tháng trước. Công ty Cao su Mang Yang báo giá thu mua ở mức 443-461 đồng/TSC, tăng 22-30 đồng/TSC so với cuối tháng 9/2024.

Hiện giá thu mua mủ cao su tại các công ty đã tăng khoảng 50 – 60% so với đầu năm và đang ở mức cao nhất trong nhiều năm qua. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam cho biết, trong quý III/2024, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn gặp nhiều thuận lợi khi cao su đã vào mùa vụ khai thác chính trong năm. Bên cạnh đó là diễn biến giá cao su có tín hiệu tích cực hơn so với dự báo kế hoạch nhờ nguồn cung suy giảm bất thường tại các nước sản xuất chính tại khu vực Đông Nam Á như Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, cùng với đó là nhu cầu mua tăng lên hơn từ hai quốc gia Trung Quốc và Ấn Độ.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CAO SU CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tháng 9/2024, xuất khẩu cao su của Việt Nam đạt 193,95 nghìn tấn, trị giá 335,56 triệu USD, giảm 7,5% về lượng và giảm 2,7% về trị giá so với tháng 8/2024; Tuy nhiên so với tháng 9/2023 vẫn tăng 0,3% về lượng và tăng 33,2% về trị giá, đây là tháng tăng đầu tiên sau 5 tháng liên tiếp lượng cao su xuất khẩu giảm so với cùng kỳ năm 2023. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu cao su đạt 1,31 triệu tấn, trị giá trên 2,09 tỷ USD, giảm 6,2% về lượng, nhưng tăng 11,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Lượng cao su xuất khẩu của Việt Nam qua các tháng giai đoạn 2022 - 2024 (ĐVT: nghìn tấn)

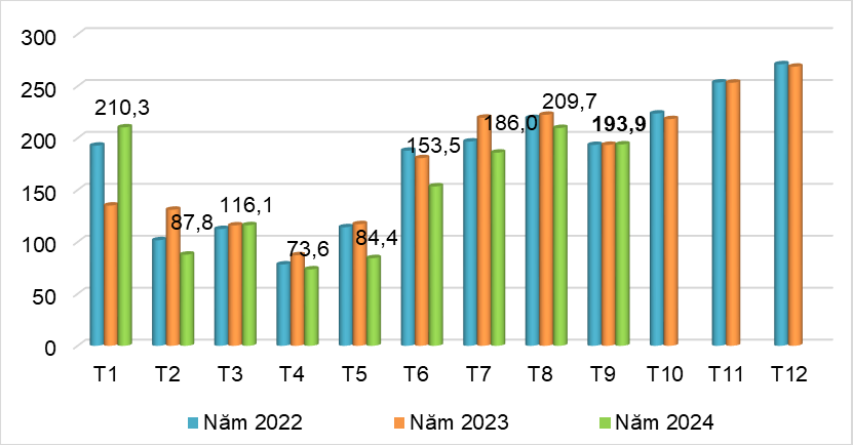

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về giá xuất khẩu: Tháng 9/2024, giá bình quân cao su xuất khẩu đạt 1.730 USD/tấn, tăng 5,2% so với tháng 8/2024 và tăng 32,8% so với tháng 9/2023. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, giá bình quân cao su xuất khẩu đạt 1.592 USD/tấn, tăng 19% so với cùng kỳ năm 2023.

Giá bình quân xuất khẩu cao su của Việt Nam qua các tháng giai đoạn 2022 - 2024 (ĐVT: USD/tấn)

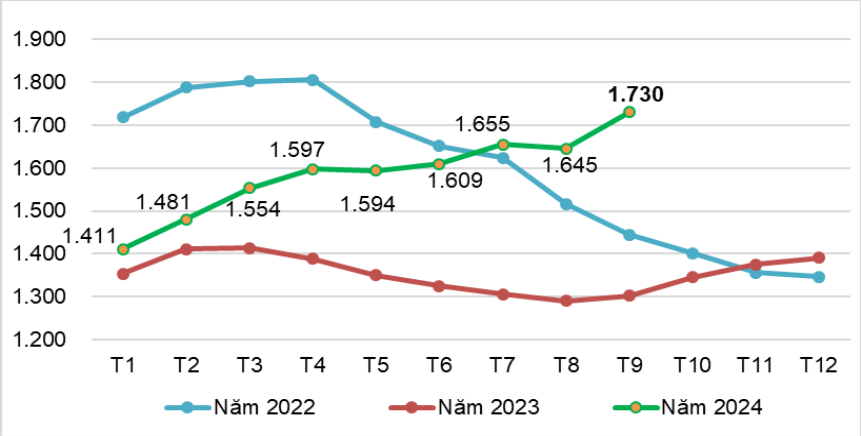

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Tổng cục Hải quan

Tháng 9/2024, Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam, chiếm 69,95% tổng lượng cao su xuất khẩu của cả nước, đạt 135,67 nghìn tấn, trị giá 233,84 triệu USD, tăng 0,8% về lượng và tăng 8,4% về trị giá so với tháng 8/2024; so với tháng 9/2023 giảm 13,2% về lượng nhưng tăng 15,5% về trị giá, đây là tháng thứ 8 liên tiếp lượng cao su xuất khẩu sang Trung Quốc giảm so với cùng kỳ năm 2023. Giá bình quân cao su xuất khẩu sang Trung Quốc ở mức 1.724 USD/tấn, tăng 7,5% so với tháng 8/2024 và tăng 33,1% so với tháng 9/2023. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc 887,23 nghìn tấn cao su, trị giá 1,37 tỷ USD, giảm 19% về lượng và giảm 4,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Đáng chú ý, trong tháng 9/2024, xuất khẩu cao su sang một số thị trường vẫn tăng mạnh so với tháng 9/2023 như: Đức, Ma-lai-xi-a, Ý, Nga, Xri-Lan-ca, Bỉ, Tây Ban Nha, Ấn Độ, Pháp... Tuy nhiên, xuất khẩu sang một số thị trường lớn tiếp tục giảm như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, In-đô-nê-xi-a...

Nhìn chung, trong 9 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu cao su sang một số thị trường vẫn sụt giảm so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt là các thị trường lớn như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Hà Lan, Ca-na-đa. Tuy nhiên xuất khẩu sang một thị trường như: Ấn Độ, Đức, Ma-lai-xi-a, Xri-Lan-ca, Ý, Hoa Kỳ, Nga, Đài Loan, Bỉ vẫn tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ năm 2023.

10 thị trường xuất khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam trong tháng 9/2024 và 9 tháng đầu năm 2024

Thị trường	Tháng 9/2024		So với tháng 9/2023 (%)		9 tháng đầu năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	9 tháng năm 2023	9 tháng năm 2024
Tổng	193.957	335.561	0,3	33,2	1.316.187	2.096.017	-6,2	11,7	100	100
Trung Quốc	135.677	233.845	-13,2	15,5	887.231	1.374.013	-19	-4,7	78,12	67,41
Ấn Độ	10.990	20.315	25,8	75,7	107.429	182.698	32,4	63,6	5,78	8,16
Đức	6.105	11.469	124,4	199,1	27.456	49.600	64,5	101,4	1,19	2,09
Ma-lai-xi-a	5.945	7.767	899,2	1.006	17.543	23.698	268,2	287,6	0,34	1,33
Hoa Kỳ	3.487	6.053	25,1	63,7	20.174	33.737	14,8	41,3	1,25	1,53
Ý	2.877	5.104	327,5	471,6	11.280	18.972	85,8	125,7	0,43	0,86
Đài Loan	2.549	4.717	14,8	50,2	20.687	36.263	18,6	44,6	1,24	1,57
Nga	2.176	3.658	42,7	84,7	21.326	34.816	23,3	49	1,23	1,62
Xri-Lan-ca	1.928	3.225	83,1	157	19.210	32.119	238,4	338,4	0,41	1,46
Hàn Quốc	1.841	3.539	-56,3	-39,2	32.497	55.804	-7,3	10	2,5	2,47
Thị trường khác	20.382	35.868	61,7	115,1	151.354	254.298	43,9	65,4	7,51	11,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CAO SU CỦA TRUNG QUỐC VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, tháng 8/2024 Trung Quốc nhập khẩu 638,64 nghìn tấn cao su (HS 4001, 4002, 4003, 4005), với trị giá 1,14 tỷ USD, tăng 0,5% về lượng và tăng 1,2%% về trị giá so với tháng 7/2024; so với tháng 8/2023 giảm 4,3% về lượng, nhưng tăng 18,5% về trị giá, đây là tháng thứ 6 liên tiếp nhập khẩu cao su của Trung Quốc giảm so với cùng kỳ năm 2023.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2024, Trung Quốc nhập khẩu 4,69 triệu tấn cao su, với trị giá 7,82 tỷ USD, giảm 13,6% về lượng và giảm 2,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Thái Lan, Việt Nam, Ma-lai-xi-a, Nga và Hàn Quốc là 5 thị trường lớn nhất cung cấp cao su cho Trung Quốc. Trừ Thái Lan và Việt Nam, lượng cao su nhập khẩu từ các thị trường còn lại đều tăng so với cùng năm 2023.

Trong 8 tháng đầu năm 2024, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ 2 cho Trung Quốc với 791,71 nghìn tấn, trị giá 1,17 tỷ USD, giảm 19,2% về lượng và giảm 10,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Thị phần cao su Việt Nam chiếm 16,88% trong tổng lượng cao su nhập khẩu của Trung Quốc trong 8 tháng đầu năm 2024, thấp hơn so với mức 18,06% của 8 tháng đầu năm 2023.

10 thị trường lớn nhất cung cấp cao su cho Trung Quốc trong 8 tháng đầu năm 2024

Thị trường	8 tháng đầu năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)		Tỷ trọng 8 tháng năm 2023 (%)		Tỷ trọng 8 tháng năm 2024 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	4.690.748	7.826.216	-13,6	-2,5	100	100	100	100
Thái Lan	1.573.083	2.477.355	-24,8	-13,0	38,51	35,49	33,54	31,66
Việt Nam	791.710	1.170.930	-19,2	-10,3	18,06	16,26	16,88	14,96
Ma-lai-xi-a	477.788	740.919	3,7	17,9	8,49	7,83	10,19	9,47
Nga	369.275	587.205	9,4	21,9	6,22	6,00	7,87	7,50
Hàn Quốc	234.248	414.925	4,0	7,1	4,15	4,82	4,99	5,30
Mi-an-ma	223.480	316.911	9,6	32,6	3,75	2,98	4,76	4,05
Bờ Biển Ngà	218.471	322.621	-38,4	-30,8	6,53	5,80	4,66	4,12
Lào	167.725	258.174	60,0	89,5	1,93	1,70	3,58	3,30
In-đô-nê-xi-a	116.041	211.866	-39,1	-26,3	3,51	3,58	2,47	2,71
Nhật Bản	112.138	369.667	12,0	5,5	1,84	4,36	2,39	4,72
Thị trường khác	406.789	955.642	7,0	6,4	7,01	11,18	8,67	12,21

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

Về chủng loại nhập khẩu: Trong 8 tháng đầu năm 2024, Trung Quốc chủ yếu nhập khẩu cao su tự nhiên và cao su tổng hợp, lượng nhập khẩu đều sụt giảm so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, cao su tự nhiên chiếm 31,14% tổng lượng cao su nhập khẩu của Trung Quốc; Cao su tổng hợp chiếm 65,1%; Phần còn lại là cao su tái sinh và cao su hỗn hợp.

Trong 8 tháng đầu năm 2024, Trung Quốc nhập khẩu 1,46 triệu tấn cao su tự nhiên (HS 4001), với trị giá 2,27 tỷ USD, giảm 13,6% về lượng, nhưng tăng 3,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023, chủ yếu nhập khẩu từ các thị trường: Thái Lan, Bờ Biển Ngà, Ma-lai-xi-a, Việt Nam và Mi-an-ma. Trong đó, Trung Quốc đẩy mạnh nhập khẩu cao su tự nhiên của Việt Nam; trong khi giảm nhập khẩu từ Thái Lan, Bờ Biển Ngà, Ma-lai-xi-a và Mi-an-ma so với cùng kỳ năm 2023.

Trong 8 tháng đầu năm 2024, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su tự nhiên lớn thứ tư cho

Trung Quốc, đạt 137,35 nghìn tấn, trị giá 177,75 triệu USD, tăng 10,1% về lượng và tăng 30,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Thị phần cao su tự nhiên của Việt Nam chiếm 9,4% trong tổng lượng cao su tự nhiên nhập khẩu của Trung Quốc, cao hơn so với mức 7,38% của 8 tháng đầu năm 2023.

Cơ cấu thị trường cung cấp cao su tự nhiên cho Trung Quốc *(Tỷ trọng % tính theo lượng)*

8 tháng đầu năm 2023

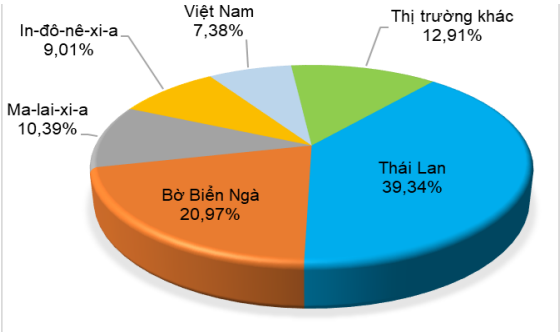

8 tháng đầu năm 2024

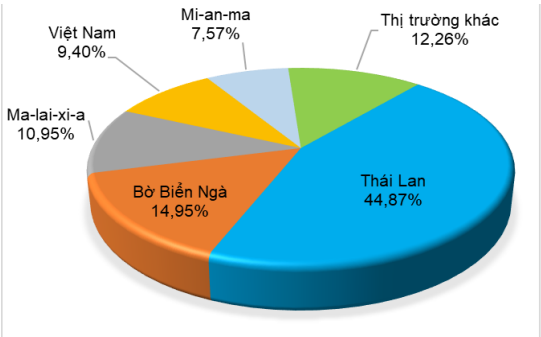

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

Trong 8 tháng đầu năm 2024, Trung Quốc nhập khẩu 1,95 triệu tấn hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (HS 400280), trị giá 3,05 tỷ USD, giảm 22,8% về lượng và giảm 12,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Thái Lan, Việt Nam, Ma-lai-xi-a, Lào và Mi-an-ma là 5 thị trường cung cấp chủng loại cao su này lớn nhất cho Trung Quốc.

Trong 8 tháng đầu năm 2024, Việt Nam là thị trường cung cấp hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp lớn thứ hai cho Trung Quốc với 644,04 nghìn tấn, trị giá 981,71 triệu USD, giảm 23,9% về lượng và giảm 15,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023; chiếm 32,97% trong tổng lượng nhập khẩu của Trung Quốc, thấp hơn so với mức 33,42% của 8 tháng đầu năm 2023.

Trong 8 tháng đầu năm 2024, nhập khẩu hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp của Trung Quốc từ Thái Lan đạt 797,07 nghìn tấn, trị giá 1,28 tỷ USD, giảm 40,5% về lượng và giảm 31,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023; chiếm 40,8% trong tổng lượng nhập khẩu của Trung Quốc, giảm so với mức 52,95% cùng kỳ năm 2023.

Trong khi lượng cao su tự nhiên và cao su tổng hợp nhập khẩu của Trung Quốc từ các thị trường còn lại tăng so với cùng kỳ năm 2023.

Cơ cấu thị trường cung cấp hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp cho Trung Quốc
(Tỷ trọng % tính theo lượng)

8 tháng đầu năm 2023

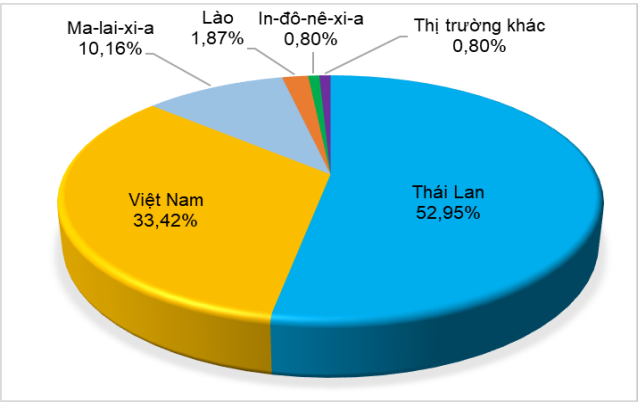

8 tháng đầu năm 2024

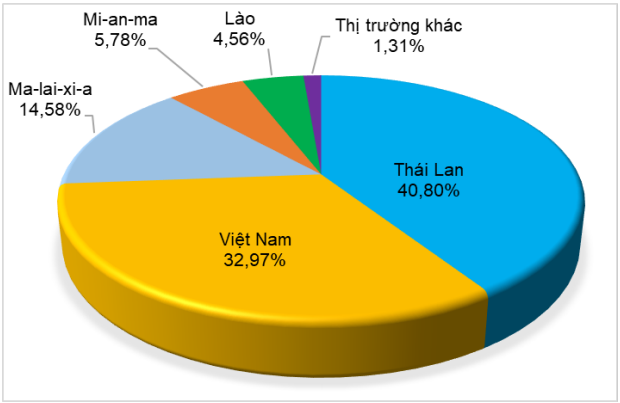

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ

▶ *Sầu riêng của Thái Lan đang chiếm lĩnh thị trường Xin-ga-po do Ma-lai-xi-a đã kết thúc vụ mùa năm 2024.*

▶ *Sản lượng và quá trình thu hoạch khoai lang của nhiều nước trên thế giới bị ảnh hưởng do thời tiết không thuận lợi.*

▶ *Tháng 9/2024, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam đạt 917,25 triệu USD, tăng 8,7% so với tháng trước và tăng 37,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang hầu hết các thị trường tiềm năng giảm so với tháng 8/2024, nhưng xuất khẩu sang Trung Quốc vẫn tăng mạnh.*

▶ *Thị phần chuối của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Trung Quốc tăng từ 31,33% trong 8 tháng đầu năm 2023 lên 40,71% trong 8 tháng đầu năm 2024.*

THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ THẾ GIỚI

- Hiện cơ cấu nguồn cung sầu riêng cho thị trường Xin-ga-po có sự chuyển dịch, khi mùa sầu riêng ở Ma-lai-xi-a kết thúc, sầu riêng Thái Lan đang chiếm lĩnh thị trường Xin-ga-po và một lượng nhỏ nhập khẩu từ Phi-líp-pin.

Trước đó, giá bán lẻ các loại sầu riêng nổi tiếng của Ma-lai-xi-a như Mao Shan Wang và Black Thorn tại Xin-ga-po dao động quanh mức 32 – 38 SGD/kg. Sầu riêng của Thái Lan tại thị trường Xin-ga-po có giá phải chăng hơn.

Tại Ma-lai-xi-a, vụ thu hoạch sầu riêng diễn ra từ tháng 5 đến cuối tháng 9 và từ tháng 11

năm trước đến giữa tháng 2 năm sau. Nhằm bổ sung nguồn cung sầu riêng cho thị trường quanh năm, ngoài Ma-lai-xi-a, thị trường Xin-ga-po nhập khẩu sầu riêng từ Thái Lan và Phi-líp-pin. Sầu riêng Thái Lan có sẵn từ tháng 3 đến cuối tháng 10, trong khi mùa sầu riêng Phi-líp-pin kéo dài từ đầu tháng 10 đến cuối tháng 11. Việc bổ sung nguồn cung sầu riêng từ Thái Lan và Phi-líp-pin chỉ đáp ứng được một bộ phận người tiêu dùng tại Xin-ga-po. Dù giá sầu riêng của Ma-lai-xi-a luôn ở mức cao, nhưng đây mới là loại sầu riêng được người tiêu dùng Xin-ga-po ưa chuộng nhất.

- Thông tin từ https://www.freshplaza.com cho biết, do yếu tố thời tiết không thuận lợi đã ảnh hưởng đến sản lượng và quá trình thu hoạch khoai lang của nhiều nước trên thế giới. Tại châu Âu, thời tiết khô hạn khiến vụ thu hoach khoai lang năm 2024 của Ý bị chậm hơn so với kế hoạch là 1 tháng, dự kiến sẽ vào giữa hoặc thậm chí là cuối tháng 10. Tại Tây Ban Nha, diện tích trồng khoai lang giảm 60% trong 2 năm gần đây. Mùa thu hoạch bắt đầu muộn hơn, với diện tích giảm, nguồn cung thấp, chi phí đầu vào cao và thiếu lao động. Nguyên nhân là do một lượng khoai lang giá rẻ được nhập khẩu vào Tây Ban Nha từ Ai Cập, khiến khoai lang sản xuất trong nước không thể cạnh tranh được. Tại Pháp, giá khoai lang nhập khẩu từ Ai Cập và Tây Ban Nha cũng thấp, điều này gây bất lợi cho sản phẩm của Pháp.

Ngược lại, tại Đức và Ai Cập, nguồn cung lớn và đã cung ứng ra thị trường từ tháng 7. Điều này đã khiến cho giá khoai lang giảm xuống dưới mức trung bình nhiều năm. Tại I-xra-en, vụ thu hoạch khoai lang diễn ra khá thuận lợi bất chấp tình hình địa chính trị leo thang, chất lượng sản phẩm tốt.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU RAU QUẢ CỦA VIỆT NAM TRONG THÁNG 9 VÀ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam liên tục ghi nhận mức cao kỷ lục mới. Tháng 9/2024, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam đạt 917,25 triệu USD, tăng 8,7% so với tháng trước và tăng 37,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu rau quả của nước ta đạt 5,64 tỷ USD, tăng 33,9% so với cùng kỳ năm ngoái.

Đạt được kết quả trên phần lớn nhờ sự đóng góp của việc xuất khẩu trái sầu riêng sang thị trường Trung Quốc. Bên cạnh đó, còn có sự đóng góp của các loại trái cây rau củ chủ lực như chuối, mít, xoài, dưa hấu, chanh, chanh leo, các loại hạt …

Dự báo xuất khẩu rau quả của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng trong các tháng cuối năm nhờ yếu tố mùa vụ. Bên cạnh đó, rau quả của Việt Nam đang ngày càng khẳng định được vị thế tại các thị trường như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Hàn Quốc… Đặc biệt, người tiêu dùng Trung Quốc ngày càng ưa chuộng sầu riêng, chuối, vải, nhãn, mít, xoài, dưa hấu của Việt Nam, nhờ chất lượng và hương vị đặc trưng của trái cây nhiệt đới.

Dù vậy, trái cây của Việt Nam đang chịu sự cạnh tranh khá lớn tại thị trường xuất khẩu. Điển hình là thị trường Trung Quốc, nhiều loại trái cây xuất khẩu chủ lực của Việt Nam phía Trung Quốc đang tự phát triển diện tích khá nhanh. Sau 10 năm, diện tích trồng thanh long của Trung Quốc đã vượt Việt Nam. Đối với trái sầu riêng, Trung Quốc đang thử nghiệm trồng 2.700 ha tại đảo Hải Nam và tìm cách tự chủ nguồn cung từ các nơi có khí hậu thuận lợi.

Do đó, ngành hàng rau quả cần phải tạo ra và mang đến những giá trị thực sự của trái cây Việt Nam tới người tiêu dùng Trung Quốc. Chất lượng sản phẩm, hương vị đặc trưng và sự an toàn vệ sinh thực phẩm chính là những giá trị cốt lõi cần tập trung phát triển và duy trì. Khi

người tiêu dùng Trung Quốc nhận thức được những giá trị này, họ sẽ trở thành những khách hàng bền vững, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài của ngành trái cây Việt Nam.

Kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam qua các tháng giai đoạn 2022 – 2024

(ĐVT: Triệu USD)

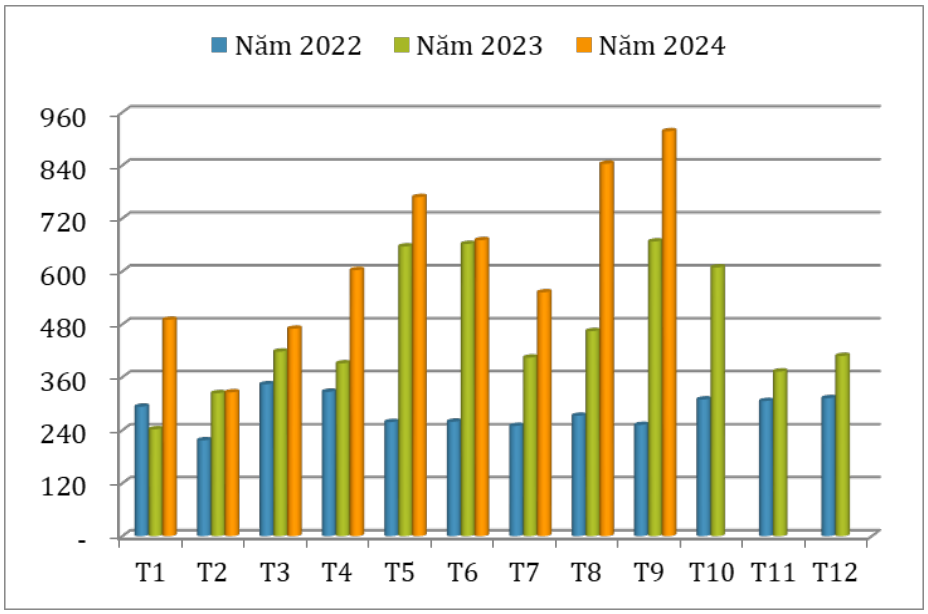

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu thị trường

Tháng 9/2024 so với tháng 8/2024, kim ngạch xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc và Ca-na-đa tăng (tỷ trọng chiếm 78% tổng kim ngạch xuất khẩu trong tháng 9/2024) đã tác động tích cực lên toàn ngành. Ngược lại, kim ngạch xuất khẩu rau quả của nước ta sang hầu hết các thị trường tiềm năng giảm. Điều này cho thấy, ngành hàng rau quả của Việt Nam đang có dấu hiệu phụ thuộc nhiều vào thị trường xuất khẩu truyền thống Trung Quốc. So với tháng 9/2024, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang hầu hết các thị trường chủ lực tăng, ngoại trừ thị trường Đài Loan và Hà Lan.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang hầu hết các thị trường lớn tăng trưởng khả quan, ngoại trừ Hà Lan. Như vậy, trong 9 tháng đầu năm 2024, ngành hàng rau quả của Việt Nam nỗ lực khai thác tốt nhiều thị trường tiềm năng khác như Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, Các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất …

10 thị trường xuất khẩu rau quả lớn nhất của Việt Nam trong tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2024

Thị trường	Tháng 9/2024 (Nghìn USD)	So với tháng 8/2024 (%)	So với tháng 9/2023 (%)	9 tháng năm 2024 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm ngoái (%)	Tỷ trọng (%)	
						9 tháng năm 2024	9 tháng năm 2023
Tổng	**917.250**	**8,7**	**37,6**	**5.641.261**	**33,9**	**100,00**	**100,00**
Trung Quốc	709.901	20,1	44,8	3.790.573	37,8	67,19	65,28
Thái Lan	38.895	-5,3	77,6	202.341	87,1	3,59	2,57
Hoa Kỳ	27.180	-27,3	29,3	254.204	34,6	4,51	4,48

Thị trường	Tháng 9/2024 (Nghìn USD)	So với tháng 8/2024 (%)	So với tháng 9/2023 (%)	9 tháng năm 2024 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm ngoái (%)	Tỷ trọng (%)	
						9 tháng năm 2024	9 tháng năm 2023
Hàn Quốc	24.017	-5,7	33,2	238.905	44,2	4,23	3,93
Nhật Bản	16.468	-8,5	32,2	151.966	12,3	2,69	3,21
Đài Loan	14.809	-26,4	-15,6	120.045	10,5	2,13	2,58
Úc	9.752	-14,2	49,0	79.069	31,2	1,40	1,43
Các TVQ Ả rập Thống nhất	6.346	-2,1	45,9	57.518	29,8	1,02	1,05
Ca-na-đa	5.593	3,0	32,2	49.283	44,0	0,87	0,81
Hà Lan	5.493	-43,6	-60,9	85.011	-28,1	1,51	2,81
Thị trường khác	58.796	-24,0	4,5	612.347	22,7	10,85	11,85

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CHUỐI CỦA TRUNG QUỐC TRONG 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu từ Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong 8 tháng đầu năm 2024, nhập khẩu chuối của Trung Quốc đạt xấp xỉ 1,13 triệu tấn, trị giá 592,1 triệu USD, giảm 7,9% về lượng và giảm 23% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Trung Quốc nhập khẩu chuối qua các tháng năm 2023 – 2024 *(ĐVT: Nghìn tấn)*

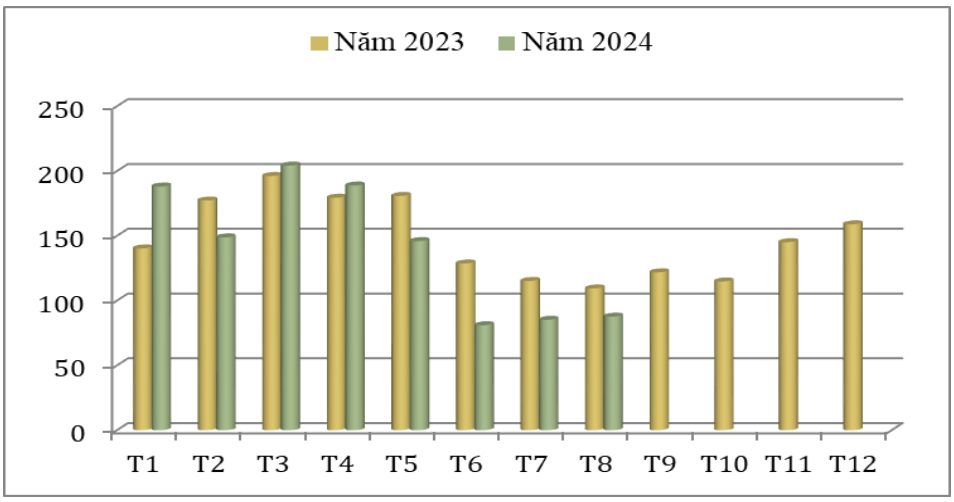

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

Diễn biến giá: 8 tháng đầu năm 2024, giá bình quân nhập khẩu chuối của Trung Quốc từ thế giới đạt mức 524 USD/tấn, giảm 16,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, giá bình quân nhập khẩu chuối của Trung Quốc từ hầu hết các nguồn cung giảm, ngoại trừ Mê-hi-cô.

Diễn biến giá bình quân nhập khẩu chuối của Trung Quốc qua các tháng năm 2023 – 2024 *(ĐVT: USD/tấn)*

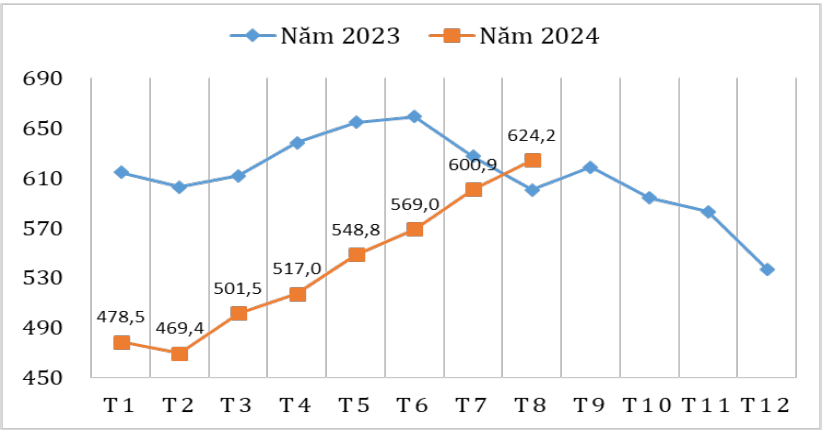

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc

Cơ cấu nguồn cung: Có sự chuyển dịch về cơ cấu nguồn cung chuối cho thị trường Trung Quốc, Việt Nam trở thành nguồn cung chuối lớn nhất cho Trung Quốc trong 8 tháng đầu năm 2024, lượng nhập khẩu đạt 459,94 nghìn tấn, trị giá 189,82 triệu USD, tăng 19,6% về lượng và tăng 0,8% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Thị phần chuối của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Trung Quốc tăng từ 31,33% trong 8 tháng đầu năm 2023 lên 40,71% trong 8 tháng đầu năm 2024.

Tương tự, 8 tháng đầu năm 2024, Trung Quốc tăng mạnh nhập khẩu chuối từ các thị trường Lào, Mê-hi-cô, In-đô-nê-xi-a. Ngược lại, Trung Quốc giảm nhập khẩu chuối từ các nguồn cung Phi-líp-pin, Căm-pu-chia.

Như vậy, ngành chuối Việt Nam đã thay thế vị trí nhà cung cấp số 1 của Phi-líp-pin và đang chiếm lợi thế tại thị trường Trung Quốc. Nguyên nhân được cho là thời tiết tại Phi-líp-pin không thuận lợi, dẫn đến sản lượng giảm và giá cao hơn. Mặc dù chuối của Phi-líp-pin vẫn được ưa chuộng tại thị trường Trung Quốc nhờ hương vị, nhưng tình trạng khan hiếm nguồn cung và chi phí cao hơn đã tạo điều kiện cho chuối Việt Nam mở rộng thị phần. Bên cạnh đó, căng thẳng địa chính trị cũng tác động khiến Trung Quốc giảm nhập khẩu chuối từ Phi-líp-pin.

Nguồn cung chuối cho Trung Quốc trong 8 tháng đầu năm 2024

Thị trường	8 tháng năm 2024			So với cùng kỳ năm ngoái (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB
Tổng	**1.129.945**	**592.102**	**524,0**	**-7,9**	**-23,0**	**-16,3**
Việt Nam	*459.946*	*189.823*	*412,7*	*19,6*	*0,8*	*-15,7*
Phi-líp-pin	283.150	157.939	557,8	-39,2	-46,7	-12,4
Căm-pu-chia	161.754	100.342	620,3	-12,7	-28,6	-18,3
Ê-cu-a-đo	155.122	104.988	676,8	-3,4	-10,9	-7,8
Lào	53.810	25.427	472,5	135,0	51,7	-35,4
Mê-hi-cô	9.814	8.966	913,7	94,0	95,4	0,7
Thái Lan	2.606	3.229	1.239,1	-4,0	-4,6	-0,6
Mi-an-ma	2.399	675	281,5			
In-đô-nê-xi-a	1.344	713	530,3	63,7	22,5	-25,2

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

THỊ TRƯỜNG SẮN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẮN

► *Đầu tháng 10/2024, giá sắn nguyên liệu, tinh bột sắn nội địa và tinh bột sắn xuất khẩu tại Thái Lan giảm; Giá sàn xuất khẩu sắn lát được giữ ổn định so với cuối tháng trước.*

► *8 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu sắn lát của Thái Lan giảm mạnh, trong khi xuất khẩu tinh bột sắn lại tăng so với cùng kỳ năm 2023.*

► *9 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn của Việt Nam đạt 1,91 triệu tấn, trị giá 879,22 triệu USD, giảm 10% về lượng và giảm 1,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.*

► *8 tháng đầu năm 2024, nhập khẩu sắn lát của Trung Quốc giảm mạnh; trong khi nhập khẩu tinh bột sắn tăng. Thị phần sắn lát và tinh bột sắn của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc tăng so với cùng kỳ năm 2023.*

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Thái Lan: Từ đầu tháng 10/2024 đến nay, giá sắn nguyên liệu, tinh bột sắn nội địa và tinh bột sắn xuất khẩu tại Thái Lan giảm; trong khi giá sàn xuất khẩu sắn lát được giữ ổn định so với cuối tháng trước.

Ngày 08/10/2024, Hiệp hội tinh bột sắn Thái Lan điều chỉnh giá sàn xuất khẩu tinh bột sắn xuống mức 500 USD/tấn FOB-Băng Cốc, giảm 15 USD/tấn so với cuối tháng trước; Đồng thời, điều chỉnh giá tinh bột sắn nội địa xuống mức 16,25 Baht/kg, giảm 0,5 Baht/kg so với cuối tháng trước.

Ngày 08/10/2024, Hiệp hội thương mại khoai mỳ Thái Lan cũng thông báo điều chỉnh giá thu mua sắn nguyên liệu xuống mức 2,3-3,35 Baht/kg, giảm 0,05 Baht/kg so với cuối tháng trước; Trong khi giá sàn xuất khẩu sắn lát được giữ ở mức 240-250 USD/tấn FOB-Băng Cốc, ổn định so với cuối tháng trước.

Niên vụ sản xuất 2024/25, sản lượng sắn của Thái Lan sẽ còn khoảng 22 triệu tấn, trong khi nhu cầu nguyên liệu của nhà máy tinh bột sắn là 24 triệu tấn. Thông thường, Thái Lan nhập khẩu khoảng 1,5 triệu tấn sắn lát mỗi năm để phục vụ nhu cầu sản xuất của các nhà máy.

Năm 2024, dự báo xuất khẩu sắn lát của Thái Lan sẽ xuống mức thấp kỷ lục, đạt khoảng 2,5 triệu tấn, sau khi Trung Quốc chuyển sang

sử dụng ngô để sản xuất rượu. Giá ngô ở Trung Quốc đã rẻ hơn nhiều so với sắn lát nên các nhà máy chuyển sang sử dụng ngô thay vì sắn để sản xuất rượu. Nếu sử dụng sắn lát làm nguyên liệu thô thì chi phí sẽ là 5.500 Nhân dân tệ/tấn, trong khi sử dụng ngô chi phí là 5.230 Nhân dân tệ/tấn.

Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Thái Lan, trong 8 tháng đầu năm 2024, Thái Lan xuất khẩu được 1,66 triệu tấn sắn lát (HS 07141011), trị giá 13,98 tỷ Baht (tương đương 416,97 triệu USD), giảm 57,1% về lượng và giảm 58,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, sắn lát được xuất khẩu sang Trung Quốc là chủ yếu. (Tỷ giá 1 Baht = 0,02983 USD).

Trong 8 tháng đầu năm 2024, Thái Lan cũng xuất khẩu được 2,14 triệu tấn tinh bột sắn (HS 11081400), trị giá 41,11 tỷ Baht (tương đương 1,23 tỷ USD), tăng 27,7% về lượng và tăng 39,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Tinh bột sắn của Thái Lan được xuất khẩu chủ yếu sang các thị trường như: Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a, Đài Loan, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Nhật Bản, Hoa Kỳ... Trừ Nhật Bản, xuất khẩu tinh bột sắn của Thái Lan sang các thị trường còn lại đều tăng trưởng tốt so với cùng kỳ năm 2023, đặc biệt là xuất khẩu tinh bột sắn sang thị trường In-đô-nê-xi-a có mức tăng đột biến.

Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu tinh bột sắn lớn nhất của Thái Lan trong 8 tháng đầu năm 2024, chiếm 57% tổng lượng tinh bột sắn xuất khẩu của Thái Lan, với 1,22 triệu tấn, trị giá 22,81 tỷ Baht (tương đương 680,59 triệu USD), tăng 18,5% về lượng và tăng 28,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Xuất khẩu tới In-đô-nê-xi-a đứng vị trí thứ 2, chiếm 11,62% tổng lượng tinh bột sắn xuất khẩu của Thái Lan, với 249,29 nghìn tấn, trị giá 4,74 tỷ Baht (tương đương 141,51 triệu USD), tăng tới 2.974% về lượng và tăng 3.311% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Cơ cấu thị trường tiêu thụ tinh bột sắn (mã HS 11081400) của Thái Lan

(Tỷ trọng % tính theo lượng)

8 tháng đầu năm 2023

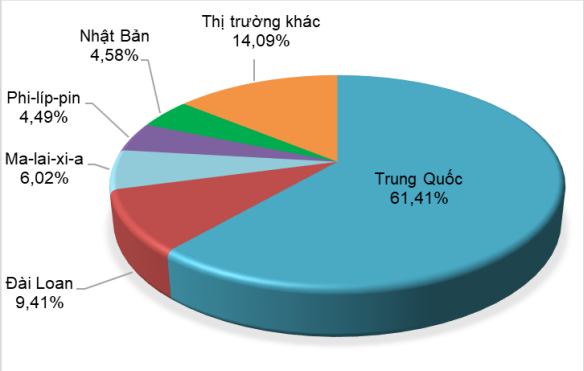

8 tháng đầu năm 2024

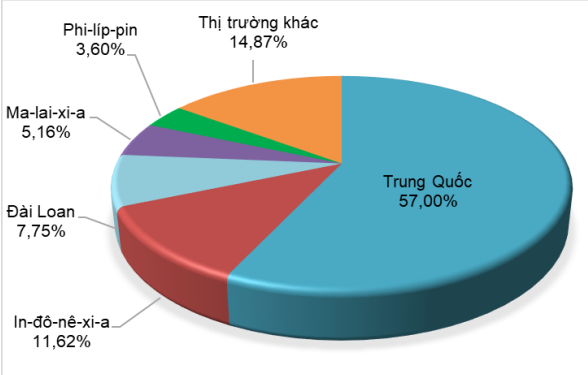

Nguồn: Cơ quan Hải quan Thái Lan

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Từ đầu tháng 10/2024 đến nay, sản lượng sắn về các nhà máy nhiều hơn, trong khi tình hình xuất khẩu tinh bột sắn chậm nên một số nhà máy tại miền Trung, Tây Nguyên hạ giá mua nguyên liệu. Hiện giá thu mua sắn nguyên liệu tại một số tỉnh khu vực miền Trung, Tây Nguyên dao động ở mức 2.000 - 2.400 đồng/kg.

Theo Hiệp hội sắn Việt Nam, dự kiến kế hoạch sản xuất của các nhà máy sắn khu vực

phía Bắc sẽ muộn hơn so với vụ 2023/24 từ 15-30 ngày, do sắn hiện tại vẫn còn non (độ bột thấp). Giá tinh bột sắn chào bán về các cảng chính của Trung Quốc đều ở mức thấp, hiện giá tinh bột sắn xuất khẩu được các nhà máy Việt Nam chào bán ở mức 480-500 USD/tấn FOB cảng thành phố Hồ Chí Minh, ổn định so với cuối tháng trước. Giá tinh bột sắn xuất khẩu qua các cửa khẩu Lạng Sơn và Móng Cái cũng dao động ở mức 3.500-3.620 CNY/tấn, ổn định so với cuối tháng trước.

Dự kiến giá sắn lát vụ 2024/25 sẽ tiếp tục giảm do giá củ sắn tươi giảm. Với đơn vị còn tồn kho sắn lát vụ cũ, việc giá giảm khiến quyết định triển khai thu mua vụ mới sẽ khó khăn hơn rất nhiều khi vừa phải cân đối về mặt tài chính, vừa phải cân đối giá. Một số chủ kho hàng sắn lát (hàng dùng cho nhà máy cồn) dự kiến mở kho chào giá bán hàng vụ cũ với mức giá tương đối thấp - ở mức dưới 5.000 đồng/kg, trong bối cảnh triển vọng mặt hàng này có thể sẽ tiếp tục giảm do giá củ sắn tươi giảm. Hiện giá xuất khẩu sắn lát thực tế sang Trung Quốc vẫn dao động ở mức 250 USD/tấn FOB cảng Việt Nam. Trong khi giá xuất khẩu sắn lát sang Hàn Quốc dao động ở mức 300 USD/tấn FOB Quy Nhơn, ổn định so với cuối tháng trước.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU SẮN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẮN

Xuất khẩu sắn giảm mạnh trong tháng 9/2024 do bị ảnh hưởng của mưa lũ và nhu cầu của Trung Quốc chậm. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tháng 9/2024, Việt Nam xuất khẩu được 121,02 nghìn tấn sắn và các sản phẩm từ sắn, trị giá 56,74 triệu USD, giảm 36,8% về lượng và giảm 34,7% về trị giá so với tháng 8/2024; So với tháng 9/2023 giảm 53,9% về lượng và giảm 53,7% về trị giá. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn đạt 1,91 triệu tấn, trị giá 879,22 triệu USD, giảm 10% về lượng và giảm 1,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Lượng sắn và các sản phẩm từ sắn xuất khẩu của Việt Nam qua các tháng giai đoạn 2022 - 2024 (ĐVT: Nghìn tấn)

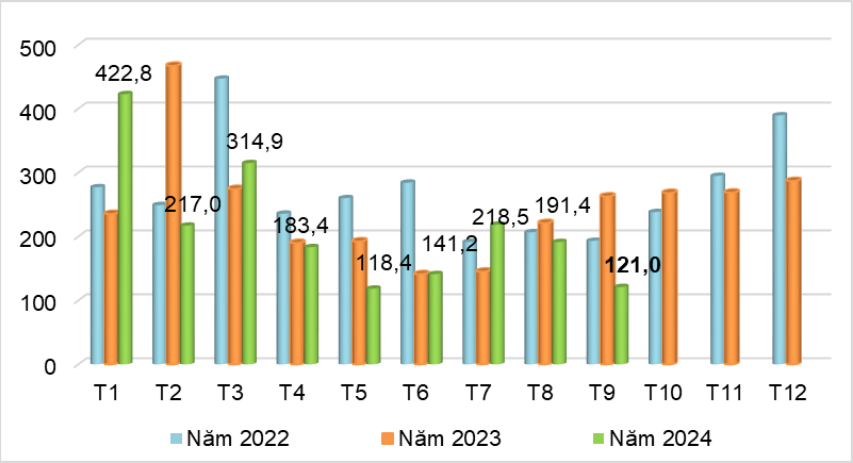

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về giá xuất khẩu: Tháng 9/2024, giá bình quân xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn ở mức 468,9 USD/tấn, tăng 3,3% so với tháng 8/2024 và tăng 0,3% so với tháng 9/2023. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, giá bình quân xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn đạt 458,7 USD/tấn, tăng 9,6% so với cùng kỳ năm 2023.

Giá bình quân xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn của Việt Nam qua các tháng năm 2022 - 2024 (ĐVT: USD/tấn)

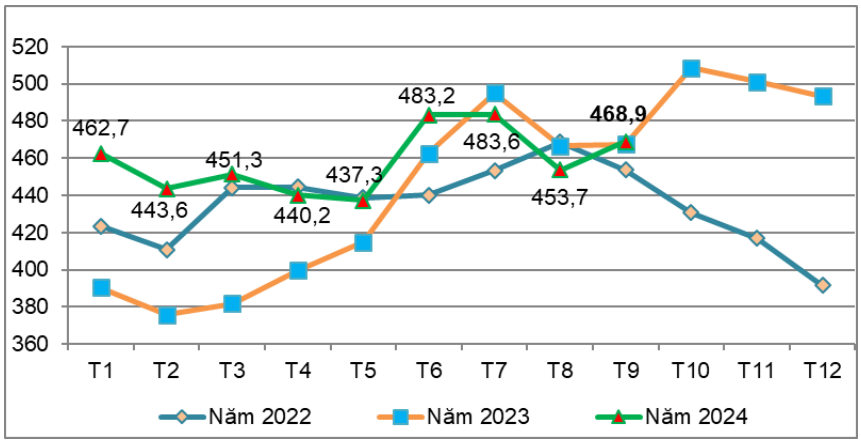

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Trong tháng 9/2024, Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn lớn nhất của Việt Nam, chiếm 92,92% về lượng và chiếm 91,79% về trị giá trong tổng xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn của cả nước, với 112,45 nghìn tấn, trị giá 52,08 triệu USD, giảm 39% về lượng và giảm 36,7% về trị giá tháng 8/2024; So với tháng 9/2023 giảm 55,6% về lượng và giảm 55,6% về trị giá. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc 1,76 triệu tấn sắn và các sản phẩm từ sắn, trị giá 802,78 triệu USD, giảm 9,2% về lượng và giảm 0,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Đáng chú ý, trong tháng 9/2024, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn sang các thị trường như Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Nhật Bản và Pa-ki-xtan đều tăng cả về lượng và trị giá so với cùng kỳ năm 2023, tuy nhiên, lượng xuất khẩu sang các thị trường này đều ở mức thấp.

Trong 9 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn sang một số thị trường vẫn tăng trưởng tốt cả về lượng và trị giá so với cùng kỳ năm 2023 như: Đài Loan, Ma-lai-xi-a và Pa-ki-xtan. Tuy nhiên xuất khẩu sang các thị trường lớn như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và Phi-líp-pin đều giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2023.

Thị trường xuất khẩu sắn và sản phẩm từ sắn của Việt Nam trong tháng 9/2024 và 9 tháng đầu năm 2024

Thị trường	Tháng 9/2024		So với tháng 9/2023 (%)		9 tháng đầu năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	9 tháng năm 2023	9 tháng năm 2024
Tổng	**121.020**	**56.742**	**-53,9**	**-53,7**	**1.916.875**	**879.226**	**-10**	**-1,4**	**100**	**100**
Trung Quốc	112.450	52.084	-55,6	-55,6	1.765.631	802.785	-9,2	-0,2	91,25	92,11
Đài Loan	3.260	1.635	-12,7	-18,7	37.203	20.310	3,6	11,5	1,69	1,94
Ma-lai-xi-a	579	293	55,2	46,3	12.302	6.466	34	37,4	0,43	0,64
Phi-líp-pin	568	288	257,2	337	12.556	6.431	-9,4	-2,1	0,65	0,66
Hàn Quốc	327	173	-3,8	-5,2	37.016	11.643	-54	-61,8	3,78	1,93

Thị trường	Tháng 9/2024		So với tháng 9/2023 (%)		9 tháng đầu năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	9 tháng năm 2023	9 tháng năm 2024
Nhật Bản	100	22			1.231	424	-48,9	-65,9	0,11	0,06
Pa-ki-xtan	51	31			816	572	67,9	82,1	0,02	0,04
Thị trường khác	3.685	2.216	-21,6	-22,2	50.120	30.595	13,8	20,7	2,07	2,62

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU SẮN VÀ TINH BỘT SẮN CỦA TRUNG QUỐC VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

+ Sắn lát: Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, tháng 8/2024, nhập khẩu sắn lát (HS 07141020) của Trung Quốc đạt 101,44 nghìn tấn, trị giá 24,84 triệu USD, giảm 67,1% về lượng và giảm 66,3% về trị giá so với tháng 7/2024, giảm 75,8% về lượng và giảm 78,2% về trị giá so với tháng 8/2023. Thái Lan, Việt Nam, Lào là 3 thị trường cung cấp sắn lát cho Trung Quốc trong tháng 8/2024. Trong đó, Trung Quốc giảm nhập khẩu sắn lát từ Việt Nam và Thái Lan, trong khi tăng nhập khẩu từ Lào so với cùng kỳ năm 2023.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2024, Trung Quốc nhập khẩu 1,89 triệu tấn sắn lát, với trị giá 481,62 triệu USD, giảm 60,3% về lượng và giảm 63,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Thái Lan, Việt Nam, Lào, Căm-pu-chia và Ni-giê-ri-a là 5 thị trường cung cấp sắn lát cho Trung Quốc. Lượng sắn lát nhập khẩu của Trung Quốc từ Thái Lan, Việt Nam và Ni-giê-ri-a tiếp tục giảm mạnh, trong khi nhập khẩu từ Lào và Căm-pu-chia tăng so với cùng kỳ năm 2023.

Trong 8 tháng đầu năm 2024, Việt Nam là thị trường cung cấp sắn lát lớn thứ hai cho Trung Quốc, với 302,77 nghìn tấn, trị giá 78,86 triệu USD, giảm 46,9% về lượng và giảm 49,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Thị phần sắn lát của Việt Nam chiếm 15,99% trong tổng lượng nhập khẩu sắn lát của Trung Quốc, cao hơn so với mức 11,96% của 8 tháng đầu năm 2023.

Nhập khẩu sắn lát của Trung Quốc từ Thái Lan cũng giảm mạnh trong 8 tháng đầu năm 2024, đạt 1,57 triệu tấn, trị giá 399,24 triệu USD, giảm 62,3% về lượng và giảm 65,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Thị phần sắn lát của Thái Lan chiếm 83,27% trong tổng lượng nhập khẩu sắn lát của Trung Quốc, thấp hơn nhiều so với mức 87,81% của 8 tháng đầu năm 2023.

+ Tinh bột sắn: Nhập khẩu tinh bột sắn của Trung Quốc tiếp tục tăng trong tháng 8/2024. Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, tháng 8/2024, nhập khẩu tinh bột

sắn (HS 11081400) của Trung Quốc đạt 382,7 nghìn tấn, trị giá 189,28 triệu USD, tăng 32,4% về lượng và tăng 30,4% về trị giá so với tháng 7/2024; So với tháng 8/2023 tăng 63,5% về lượng và tăng 47,7% về trị giá, đây là tháng thứ 6 liên tiếp nhập khẩu tinh bột sắn của Trung Quốc tăng so với cùng kỳ năm 2023. Thái Lan, Việt Nam, Lào, Căm-pu-chia và In-đô-nê-xi-a là 5 thị trường cung cấp tinh bột sắn cho Trung Quốc trong tháng 8/2024. Trong đó, trừ Căm-pu-chia và In-đô-nê-xi-a, nhập khẩu tinh bột sắn từ các thị trường còn lại đều tăng so với cùng kỳ năm 2023.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2024, Trung Quốc nhập khẩu 2,43 triệu tấn tinh bột sắn, trị giá 1,27 tỷ USD, tăng 26,9% về lượng và tăng 35,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023, chủ yếu nhập khẩu từ Thái Lan, Việt Nam, Lào, Căm-pu-chia và In-đô-nê-xi-a.

Thái Lan là thị trường cung cấp tinh bột sắn lớn nhất cho Trung Quốc trong 8 tháng đầu năm 2024. Trung Quốc nhập khẩu tinh bột sắn từ Thái Lan tăng trở lại sau nhiều tháng giảm liên tiếp so với cùng kỳ năm 2023. Trong 8 tháng đầu năm 2024, Trung Quốc nhập khẩu 1,13 triệu tấn tinh bột sắn từ Thái Lan, với trị giá 617,41 triệu USD, tăng 7% về lượng và tăng 13,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Thị phần tinh bột sắn của Thái Lan trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc chiếm 46,8%, thấp hơn so với mức 55,51% của 8 tháng đầu năm 2023.

Trong 8 tháng đầu năm 2024, Việt Nam là thị trường cung cấp tinh bột sắn lớn thứ hai cho Trung Quốc, đạt 929,8 nghìn tấn, với trị giá 457,06 triệu USD, tăng 53,6% về lượng và tăng 67,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Thị phần tinh bột sắn của Việt Nam chiếm 38,21% trong tổng lượng tinh bột sắn nhập khẩu của Trung Quốc, cao hơn so với mức 31,55% của 8 tháng đầu năm 2023.

Trong 8 tháng đầu năm 2024, Trung Quốc cũng đẩy mạnh nhập khẩu tinh bột sắn từ Lào và Căm-pu-chia, trong khi giảm nhập khẩu từ In-đô-nê-xi-a. Thị phần tinh bột sắn của Lào và Căm-pu-chia trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc đều tăng so với cùng kỳ năm 2023.

Thị trường cung cấp sắn lát và tinh bột sắn cho Trung Quốc trong 8 tháng đầu năm 2024

Thị trường	8 tháng năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)		Tỷ trọng 8 tháng năm 2023 (%)		Tỷ trọng 8 tháng năm 2024 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	*Lượng*	*Trị giá*	*Lượng*	*Trị giá*
Sắn lát (HS 07141020)	**1.893.284**	**481.628**	**-60,3**	**-63,3**	***100***	***100***	***100***	***100***
Thái Lan	1.576.580	399.242	-62,3	-65,4	*87,81*	*87,93*	*83,27*	*82,89*
Việt Nam	302.778	78.867	-46,9	-49,3	*11,96*	*11,86*	*15,99*	*16,38*
Lào	10.557	2.629	2,3	1,9	*0,22*	*0,20*	*0,56*	*0,55*
Căm-pu-chia	3.345	886	575,7	559,1	*0,01*	*0,01*	*0,18*	*0,18*
Ni-giê-ri-a	24	4	-77,9	-87,2	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*
Tinh bột sắn (HS 110814)	**2.433.688**	**1.277.052**	**26,9**	**35,6**	***100***	***100***	***100***	***100***
Thái Lan	1.138.920	617.417	7,0	13,5	*55,51*	*57,75*	*46,80*	*48,35*
Việt Nam	929.804	475.065	53,6	67,1	*31,55*	*30,19*	*38,21*	*37,20*
Lào	317.821	159.911	89,6	117,8	*8,74*	*7,80*	*13,06*	*12,52*
Căm-pu-chia	39.907	20.834	37,7	50,7	*1,51*	*1,47*	*1,64*	*1,63*
In-đô-nê-xi-a	7.236	3.806	-86,0	-85,5	*2,70*	*2,79*	*0,30*	*0,30*

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN

- *Ngành tôm Ê-cu-a-đo kỳ vọng giá tăng khi mùa lễ hội đến gần.*
- *Sản lượng khai thác cá cơm của Pê-ru tăng mạnh.*
- *9 tháng năm 2024, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 7,22 tỷ USD, tăng 9,5% so với 9 tháng năm 2023.*
- *Bra-xin tăng mạnh nhập khẩu thủy sản từ Việt Nam, với mức tăng 60,1% so với cùng kỳ năm 2023.*

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- Ê-cu-a-đo: Theo số liệu của Phòng Nuôi trồng Thủy sản Quốc gia Ê-cu-a-đo (CNA), xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo tháng 8/2024 đạt 104.267 tấn, trị giá 514 triệu USD, tăng 6% về lượng và tăng 5% về trị giá so với tháng 8/2023. Tính chung 8 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo đạt 817.954 tấn, trị giá 4 tỷ USD, tăng 2% về lượng, nhưng giảm 6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu tôm lớn nhất của Ê-cu-a-đo. Tháng 8/2024, xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo sang Trung Quốc tăng 4% về lượng lên 57.023 tấn, trị giá 252 triệu USD. Giá trung bình xuất khẩu tôm tới Trung Quốc giảm 4% xuống còn 4,41 USD/kg trong bối cảnh giá tôm trên thị trường có xu hướng giảm. Như vậy, xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo sang Trung Quốc đã phục hồi trở lại sau khi giảm mạnh những tháng đầu năm. Nguyên nhân có thể do Trung Quốc tăng nhu cầu nhập khẩu cho dịp lễ Quốc khánh và nguồn cung tôm nguyên liệu trong nước giảm do ảnh hưởng của bão lụt.

Tháng 8/2024, lượng tôm của Ê-cu-a-đo xuất khẩu sang Hoa Kỳ đạt 17.250 tấn, trị giá 110 triệu USD, với giá xuất khẩu trung bình tăng 8%, bù đắp cho mức giảm 7% về khối lượng. Xuất khẩu tôm Ê-cu-a-đo sang Hoa Kỳ giảm trong tháng 8/2024 sau khi tăng trưởng tốt những

tháng đầu năm. Xuất khẩu tôm Ê-cu-a-đo sang Hoa Kỳ phần nào bị ảnh hưởng bởi tác động của thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp sơ bộ của Hoa Kỳ đối với tôm Ê-cu-a-đo.

Thời gian qua, Ê-cu-a-đo đã mở rộng thị phần tôm tại châu Âu. Trong tháng 8/2024, lượng tôm xuất khẩu sang châu Âu tăng 14% so với cùng kỳ năm trước lên 22.141 tấn. Trong đó, xuất khẩu tới Pháp tăng 30% về lượng và tăng 32% về trị giá; Hà Lan tăng 43% về lượng và tăng 65% về trị giá; Ý tăng nhẹ 1% về lượng và tăng 4% về trị giá; chỉ có Tây Ban Nha giảm nhập khẩu tôm Ê-cu-a-đo trong tháng 8/2024.

- Pê-ru: Trong tháng 7/2024, sản lượng đánh bắt thủy sản của Pê-ru tăng trưởng đáng kể, đạt 186.700 tấn, trị giá 205,7 triệu PEN (tương đương 54,9 triệu USD), tăng 56% về khối lượng và tăng 15% về trị giá so với tháng 7/2023.

Theo Dữ liệu từ Bộ Sản xuất Pê-ru, sản lượng đánh bắt tăng chủ yếu nhờ vào việc tăng mạnh sản lượng tiêu thụ trực tiếp (DHC), đặc biệt là trong thị trường đông lạnh và đóng hộp. Tổng sản lượng cho DHC đạt 147.500 tấn, trị giá 118,9 triệu PEN, tăng 23,5% về lượng và tăng 5,5% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, 58,2% được dùng cho sản phẩm đông lạnh, 28,2% cho tiêu thụ tươi, 11,5% cho hàng đóng hộp và 2,1% cho sản phẩm ướp.

Sản lượng cá đông lạnh của Pê-ru tháng 8/2024 đạt 85.900 tấn, trị giá 83 triệu PEN, tăng 36,2% về khối lượng và tăng 20,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, các mặt hàng thủy sản có sự tăng trưởng ấn tượng gồm cá mòi (tăng 171,7%), sò điệp, cá tuyết và cá cơm. Tuy nhiên, một số loài như mực, cá thu và tôm lại giảm về nguồn cung.

Sản lượng cho thủy sản đóng hộp đạt 17.000 tấn, trị giá 7,9 triệu PEN, tăng 24,8% về khối lượng, nhờ sự gia tăng của cá mòi và cá cơm. Trong khi đó, sản lượng tiêu thụ tươi đạt 41.500 tấn, tăng 8,7%, nhưng trị giá giảm 1,8%.

Đặc biệt, sản lượng cá cơm cho tiêu thụ gián tiếp tăng mạnh, đạt 39.200 tấn, tăng gần 97.900% về khối lượng và tăng 91.046,4% về trị giá, do sự hồi phục của các khu vực đánh bắt phía Nam.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU THỦY SẢN CỦA VIỆT NAM

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, tháng 9/2024, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 921,92 triệu USD, tăng 13,6% so với tháng 9/2023. Tính chung 9 tháng năm 2024, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 7,22 tỷ USD, tăng 9,5% so với 9 tháng năm 2023.

Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam 9 tháng năm 2024 tăng trưởng tới nhiều thị trường so với cùng kỳ năm 2023 như: Hoa Kỳ tăng 14,2%, Trung Quốc tăng 19,8%; Nhật Bản tăng 0,7%; Hàn Quốc tăng 0,1%; Úc tăng 10,5%; Anh tăng 7,8%; Ca-na-đa tăng 27,7%; Nga tăng 94,8%; Hà Lan tăng 13%; Đức tăng 4,6%...

Tuy nhiên, xuất khẩu thủy sản giảm tới

một số thị trường như: Thái Lan giảm 10,1%; Hồng Công giảm 9,1%;

Xuất khẩu thủy sản qua các tháng năm 2023 – 2024 *(ĐVT: Triệu USD)*

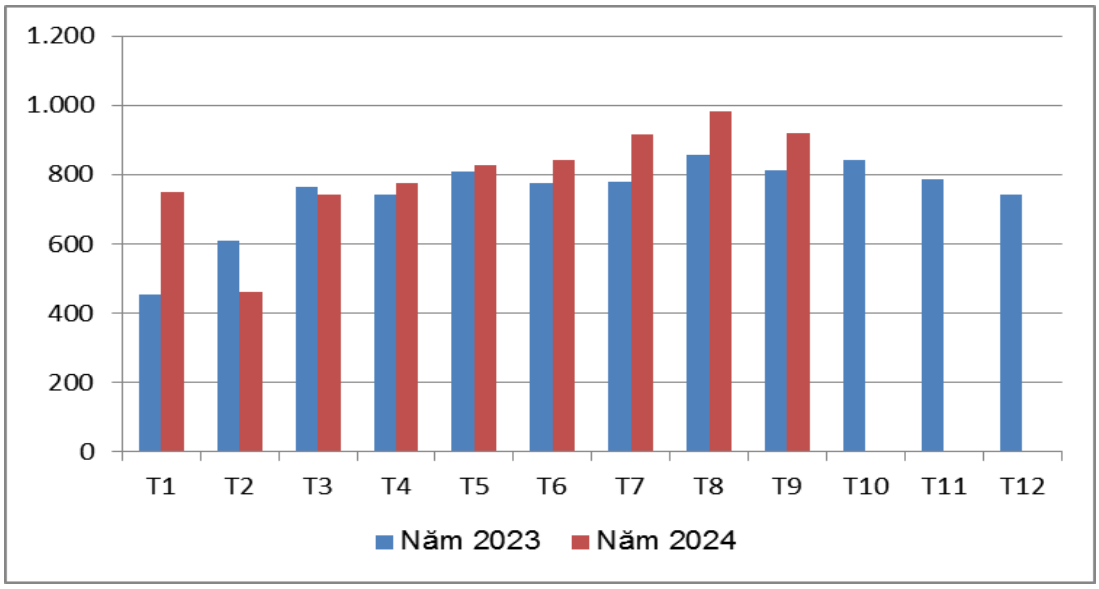

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Qua số liệu tháng 9 và 9 tháng năm 2024, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tiếp tục giữ đà tăng trưởng, cho thấy nhu cầu tiêu thụ thủy sản từ nhiều thị trường phục hồi, tạo đà cho xuất khẩu thủy sản tăng trưởng hơn trong những tháng còn lại của năm 2024.

Thị trường xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tháng 9 và 9 tháng năm 2024

Thị trường	Tháng 9/2024 (nghìn USD)	So với tháng 9/2023 (%)	9 tháng năm 2024 (Nghìn USD)	So với 9 tháng năm 2023 (%)	Tỷ trọng (%)	
					9 tháng năm 2024	9 tháng năm 2023
Tổng	**921.929**	**13,6**	**7.228.923**	**9,5**	**100**	**100**
Hoa Kỳ	171.406	14,4	1.334.736	14,2	18,46	17,72
Trung Quốc	197.323	42,8	1.211.789	19,8	16,76	15,33
Nhật Bản	133.518	3,3	1.111.148	0,7	15,37	16,72
Hàn Quốc	58.189	-19,7	568.778	0,1	7,87	8,61
Úc	33.339	22,0	248.606	10,5	3,44	3,41
Anh	30.394	29,2	238.761	7,8	3,30	3,36
Ca-na-đa	26.681	5,4	201.487	27,7	2,79	2,39
Thái Lan	26.097	7,0	175.763	-10,1	2,43	2,96
Nga	22.645	39,4	164.505	94,8	2,28	1,28
Hà Lan	14.700	21,0	150.877	13,0	2,09	2,02
Đức	15.452	-13,4	146.211	4,6	2,02	2,12
Đài Loan	13.307	1,7	117.609	1,2	1,63	1,76
Hồng Công	12.343	-3,4	109.473	-9,1	1,51	1,82
Bỉ	11.193	-1,2	105.650	14,4	1,46	1,40
Bra-xin	12.020	5,4	88.337	23,5	1,22	1,08
Thị trường khác	143.322	13,6	1.255.193	5,6	17,36	18,02

Nguồn: Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỦA BRA-XIN 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo thống kê của ITC, 7 tháng đầu năm 2024, nhập khẩu thủy sản (HS 03, 1604, 1605) của Bra-xin đạt 945,27 triệu USD, tăng 12,2% so với 7 tháng đầu năm 2023.

Trong đó, các thị trường cung cấp thủy sản lớn cho Bra-xin gồm: Chi-lê chiếm 58,3%; Việt Nam chiếm 8,3%; Na-Uy chiếm 7,2%; Ác-hen-ti-na chiếm 6,6%; Trung Quốc chiếm 6,07%; Bồ Đào Nha chiếm 5,8%; Ê-cu-a-đo chiếm 1,6%; các thị trường khác chiếm 5,8% trong tổng nhập khẩu thủy sản của Bra-xin 7 tháng đầu năm 2024.

Trong 7 tháng đầu năm 2024, Bra-xin tăng nhập khẩu thủy sản từ các thị trường như Chi-lê, Na-Uy, Ác-hen-ti-na, Trung Quốc, Pê-ru, Đài Loan, Hoa Kỳ... Đáng chú ý, nhập khẩu thủy sản của Bra-xin từ Việt Nam tăng mạnh, tăng 60,1% so với cùng kỳ năm 2023, đạt 78,86 triệu USD.

Thị trường cung cấp thủy sản cho Bra-xin 7 tháng đầu năm 2024

Thị trường	7 tháng đầu năm 2024 (Nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2023 (%)	Tỷ trọng 7 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng 7 tháng năm 2023 (%)
Tổng	**945.279**	**12,2**	**100**	**100**
Chi-lê	551.332	9,9	58,32	59,57
Việt Nam	*78.862*	*60,1*	*8,34*	*5,85*
Na-Uy	68.022	5,2	7,20	7,68
Ác-hen-ti-na	63.194	40,6	6,69	5,34
Trung Quốc	57.340	50,3	6,07	4,53
Bồ Đào Nha	55.513	-9,9	5,87	7,31
Ê-cu-a-đo	15.568	40,3	1,65	1,32
Pê-ru	12.011	11,1	1,27	1,28
Đài Loan	9.338	12,3	0,99	0,99
U-ru-goay	5.248	-0,7	0,56	0,63
Ma-rốc	5.242	-75,6	0,55	2,55
Hoa Kỳ	4.347	35,0	0,46	0,38
Thái Lan	3.705	-18,1	0,39	0,54
Niu-Di-Lân	3.649	74,1	0,39	0,25
Tây Ban Nha	2.893	20,3	0,31	0,29
Ai-xơ-len	2.723	-41,2	0,29	0,55
Ca-na-đa	2.143	164,2	0,23	0,10
Ô-man	1.919	-50,6	0,20	0,46
Thị trường khác	2.230	-32,2	0,24	0,39

Nguồn: Tính toán từ số liệu của ITC

Việt Nam là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ hai cho Bra-xin, với mức tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2023. Thị phần thủy sản của Việt Nam tại Bra-xin tăng từ 5,85% trong 7 tháng đầu năm 2023 lên 8,34% trong 7 tháng đầu năm 2024. Trong 7 tháng đầu năm 2024, Bra-xin nhập khẩu chủ yếu từ Việt Nam sản phẩm Phi lê cá da trơn đông lạnh (HS 030462) với mức tăng trưởng tốt,

tăng tới 61,4% so với cùng kỳ năm 2023.

Thời gian tới, các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam cần đẩy mạnh một số mặt hàng mà thị trường Bra-xin đang có nhu cầu cao như cá ngừ tươi hoặc ướp lạnh; tôm đông lạnh; bạch tuộc đông lạnh ... để tăng thị phần tại thị trường Bra-xin.

Thị phần một số mặt hàng thủy sản của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Bra-xin 7 tháng đầu năm 2024

Mã HS	Mô tả	Nhập khẩu thủy sản của Bra-xin		Nhập khẩu từ Việt Nam		Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam (%)	
		7 tháng năm 2024 (Nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2023 (%)	7 tháng năm 2024 (Nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2023 (%)	7 tháng năm 2024	7 tháng năm 2023
030462	Phi lê cá da trơn đông lạnh	78.860	61,4	78.860	61,4	100,00	100,00
030890	Động vật thủy sinh không xương sống, sống, tươi, ướp lạnh, đông lạnh, sấy khô, muối hoặc ngâm nước muối, thậm chí hun khói, ...	23	-54,0	2	0,0	8,70	4,00
030235	Cá ngừ vây xanh Đại Tây Dương và Thái Bình Dương tươi hoặc ướp lạnh	1.234	38,7	0	0	0,00	0,00
030214	Cá hồi Đại Tây Dương tươi hoặc ướp lạnh "Salmo salar" và cá hồi sông Danube "Hucho hucho"	496.350	10,6	0	0	0,00	0,00
030553	Cá khô thuộc các họ Bregmacerotidae, Euclichthyidae, Gadidae, Macrouridae, Melanonidae,...	39.385	5,8	0	0	0,00	0,00
030474	Phi lê cá tuyết đông lạnh	55.216	31,7	0	0	0,00	0,00
030489	Phi lê cá đông lạnh	10.196	125,7	0	-100,0	0,00	7,20
030562	Cá tuyết "Gadus morhua, Gadus ogac, Gadus macrocephalus", chỉ muối hoặc ngâm nước muối (trừ phi lê ...	15.815	30,2	0	-100,0	0,00	0,57
030617	Tôm đông lạnh	11.017	225,6	0	0	0,00	0,00
030389	Cá đông lạnh	11.373	93,2	0	0	0,00	0,00
030752	Bạch tuộc đông lạnh	9.857	505,1	0	0	0,00	0,00
030481	Phi lê cá hồi Thái Bình Dương đông lạnh	16.242	80,2	0	0	0,00	0,00

Nguồn: Tính toán từ số liệu của ITC

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

- *7 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu đồ nội thất của In-đô-nê-xi-a đạt 1,2 tỷ USD.*
- *Trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Bra-xin trong tháng 8/2024 đạt 48,3 triệu USD, giảm 10,6% so với tháng 8/2023.*
- *Tháng 9/2024, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam giảm 17,1% so với tháng 8/2024, nhưng tăng 10,9% so với tháng 9/2023.*
- *Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam tăng trong tổng trị giá nhập khẩu của thị trường Trung Quốc.*

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ THẾ GIỚI

In-đô-nê-xi-a: Dẫn nguồn globalwood.org, theo Bộ Công nghiệp In-đô-nê-xi-a (Kemenperin), xuất khẩu đồ nội thất nước này đạt kim ngạch 1,2 tỷ USD trong 7 tháng đầu năm 2024, sau khi đạt được doanh thu xuất khẩu là 2,11 tỷ USD vào năm 2023. Theo Tổng cục trưởng Tổng cục Công nghiệp vừa, nhỏ và đa ngành (IKMA), tiềm năng xuất khẩu các sản phẩm đồ nội thất trong nước là rất lớn.

Sự quan tâm mạnh của thị trường toàn cầu đối với đồ nội thất của In-đô-nê-xi-a là do các công ty trong ngành công nghiệp vừa và nhỏ (IKM) tiếp tục đổi mới, có thể điều chỉnh theo xu hướng thị trường và nhu cầu của người tiêu dùng. IKMA sẽ hỗ trợ phát triển các đơn vị IKM nội thất địa phương để họ có thể cạnh tranh hơn trên toàn cầu, bao gồm thông qua việc triển khai hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, tái cấu trúc máy móc và thiết bị và phát triển các trung tâm IKM.

Bra-xin: Theo Tổ chức Gỗ nhiệt đới Quốc tế (ITTO), trị giá xuất khẩu sản phẩm từ gỗ (trừ bột giấy và giấy) của Bra-xin trong tháng 8/2024 đạt 268,4 triệu USD, tăng 10,8% so với tháng 8/2023.

Những bất ổn liên quan đến vận tải biển đang tác động tiêu cực đến ngành gỗ, ngay cả khi các

nhà xuất khẩu cố gắng vượt qua những thách thức như chi phí sản xuất cao và dịch vụ hậu cần. Cạnh tranh về chi phí vận chuyển hàng hóa tăng là một trong những yếu tố chính ảnh hưởng đến ngành gỗ của Bra-xin.

Trong cơ cấu mặt hàng sản phẩm gỗ xuất khẩu, xuất khẩu gỗ thông xẻ trong tháng 8/2024 đạt 206,2 nghìn m^3, trị giá 48,3 triệu USD, giảm 10,4% về lượng và giảm 9,2% về trị giá so với tháng 8/2023. Xuất khẩu gỗ xẻ nhiệt đới đạt 17,6 nghìn m^3, trị giá 6,5 triệu USD, giảm 33,1% về lượng và giảm 48,4% về trị giá. Xuất khẩu ván ép nhiệt đới đạt 1,5 nghìn m^3, trị giá 0,9 triệu USD, giảm 40% về lượng và gảim 37,5% về trị giá. Ván ép từ gỗ thông là sản phẩm duy nhất ghi nhận mức tăng xuất khẩu, đạt 173,6 nghìn m^3, trị giá 58,5 triệu USD, tăng 3% về lượng và tăng 8,9% về trị giá.

Trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Bra-xin trong tháng 8/2024 đạt 48,3 triệu USD, giảm 10,6% so với tháng 8/2023.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, trong tháng 9/2024, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam đạt 1,25 tỷ USD, giảm 17,1% so với tháng 8/2024, nhưng tăng 10,9% so với tháng 9/2023. Trong đó, trị giá xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt 902,5 triệu USD, giảm 12,5% so với tháng 8/2024, nhưng tăng 19,8% so với tháng 9/2023.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 11,7 tỷ USD, tăng 21,5% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, trị giá xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt 8,04 tỷ USD, tăng 23,7% so với cùng kỳ năm 2023.

Tình hình xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam qua các tháng năm 2023 - 2024 *(ĐVT: triệu USD)*

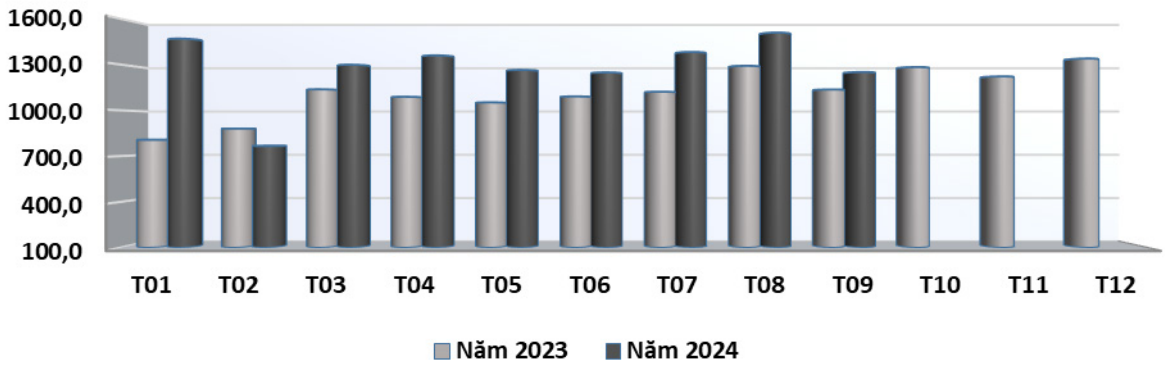

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về thị trường xuất khẩu, trị giá xuất khẩu sang các thị trường chính vẫn duy trì đà tăng trưởng tích cực trong 9 tháng đầu năm 2024, chỉ có xuất khẩu tới thị trường Hàn Quốc giảm nhẹ. Dẫn đầu về trị giá xuất khẩu trong 9 tháng đầu năm 2024 là thị trường Hoa Kỳ đạt 6,5 tỷ USD, tăng 25,9% so với cùng kỳ năm 2023; tiếp theo là thị trường Trung Quốc đạt 1,5 tỷ USD, tăng 25,4%; Nhật Bản đạt 1,26 tỷ USD, tăng 0,1%; Hàn Quốc đạt 574,6 triệu USD, giảm 1,5%...

Hoạt động xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ nay tới cuối năm sẽ đối mặt với nhiều khó khăn, bởi tình hình thế giới tiếp tục có những biến động phức tạp, khó lường; xung đột địa chính trị, tác động giá cước vận tải biển tăng cao dẫn đến giá gỗ nguyên liệu nhập khẩu tăng, khiến giá thành sản phẩm đầu ra tăng. Điều này sẽ tác động

tới đà tăng trưởng của ngành gỗ và có khả năng trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ chỉ hoàn thành 90% đến 95% kế hoạch đề ra trong năm 2024.

Thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2024

Thị trường	Tháng 9/2024 (nghìn USD)	So với tháng 9/2023 (%)	9 tháng năm 2024 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng (%)	
					9 tháng năm 2024	9 tháng năm 2023
Tổng	**1.249.758**	**10,9**	**11.682.157**	**21,5**	**100,0**	**100,0**
Hoa Kỳ	740.730	22,8	6.489.517	25,9	55,6	53,6
Trung Quốc	144.015	-11,0	1.538.081	25,4	13,2	12,8
Nhật Bản	123.628	-11,8	1.256.061	0,1	10,8	13,0
Hàn Quốc	52.941	-10,1	574.639	-1,5	4,9	6,1
Ca-na-đa	20.517	19,9	175.065	23,0	1,5	1,5
Anh	16.590	7,6	162.290	16,8	1,4	1,4
Ấn Độ	19.757	56,7	119.643	54,8	1,0	0,8
Úc	15.293	15,5	117.605	11,6	1,0	1,1
Ma-lai-xi-a	9.059	-30,3	112.501	5,2	1,0	1,1
Pháp	7.069	7,7	77.573	9,3	0,7	0,7
Thị trường khác	100.160	17,7	1.059.182	40,1	9,1	7,9

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU ĐỒ NỘI THẤT BẰNG GỖ CỦA TRUNG QUỐC VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, tháng 8/2024 Trung Quốc nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 51,3 triệu USD, giảm 24,4% so với tháng 8/2023. Tính chung 8 tháng đầu năm 2024, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc đạt 403 triệu USD, giảm 17,1% so với cùng kỳ năm 2023.

Trung Quốc nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ các thị trường qua các tháng năm 2023 – 2024

(ĐVT: triệu USD)

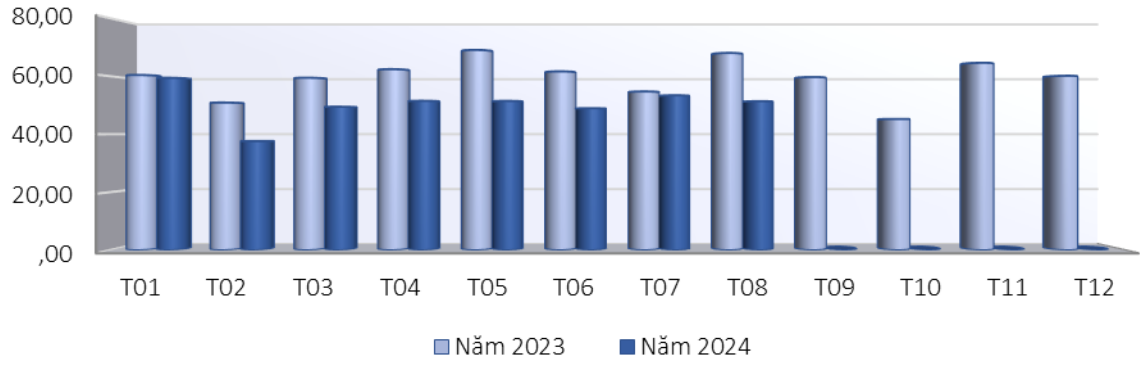

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

Về thị trường: 8 tháng đầu năm 2024, Trung Quốc nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ nhiều nhất từ thị trường I-ta-li-a, đạt 197,6 triệu USD, giảm 12,8% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 49% tổng trị giá nhập khẩu; tiếp theo là thị trường Đức đạt 63,1 triệu USD, giảm 15,9%; Việt Nam đạt 37,9

triệu USD, giảm 13,7%; Ba Lan đạt 15,5 triệu USD, giảm 23,6%...

Trung Quốc giảm nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ hầu hết các thị trường cung cấp chính trong 8 tháng đầu năm 2024, trừ thị trường Thái Lan, Ru-ma-ni-a và Nhật Bản. Trong đó, I-ta-li-a là thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ lớn nhất cho Trung Quốc, đạt 98,6 triệu USD, giảm 10,5% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 49,8% tổng trị giá nhập khẩu của Trung Quốc. Tiếp theo là thị trường Đức đạt 28,9 triệu USD, giảm 22,1%; Việt Nam đạt 18,3 triệu USD, giảm 13,8%; Ba Lan đạt 7,3 triệu USD, giảm 18,8%...

Đáng lưu ý, Cục Quản lý thị trường Nhà nước (Cục Quản lý Tiêu chuẩn hóa Trung Quốc) đã ban hành tiêu chuẩn quốc gia bắt buộc GB 18584-2024 về "giới hạn các chất có hại trong đồ nội thất".

Tiêu chuẩn này quy định giới hạn đối với các chất có hại như formaldehyde, benzen, toluen, xylen, tổng hợp chất hữu cơ dễ bay hơi, các nguyên tố có hại có thể di chuyển, phthalate, hydrocarbon thơm đa vòng, thuốc nhuộm amin thơm phân hủy, hạt nhân phóng xạ, dimethyl fumarate, polybrominated biphenyl và polybrominated diphenyl ete trong các loại đồ nội thất khác nhau. Theo đó, tiêu chuẩn này sẽ thay thế GB 18584-2001 và GB 28481-2012 và chính thức có hiệu lực vào ngày 1/7/2025, áp dụng cho tất cả sản phẩm đồ gỗ nội thất.

Do đó, các doanh nghiệp xuất khẩu đồ nội thất của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc cần chú ý, cập nhật những thay đổi về tiêu chuẩn đối với các sản phẩm nội thất của Trung Quốc để chủ động trong hoạt động sản xuất và xuất khẩu sản phẩm, không bị quá giới hạn các chất có hại theo tiêu chuẩn cho phép.

Thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ cho Trung Quốc trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2024

Thị trường	Tháng 8/2024 (nghìn USD)	So với tháng 8/2023 (%)	8 tháng năm 2024 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng (%)	
					8 tháng năm 2024	8 tháng năm 2023
Tổng	**51.348**	**-24,4**	**403.018**	**-17,1**	**100,0**	**100,0**
I-ta-li-a	22.637	-27,9	197.555	-12,8	49,0	46,6
Đức	10.584	4,2	63.079	-15,9	15,7	15,4
Việt Nam	4.877	-9,8	37.852	-13,7	9,4	9,0
Ba Lan	2.135	-41,4	15.531	-23,6	3,9	4,2
Pháp	1.024	-51,8	11.352	-15,5	2,8	2,8
Thái Lan	1.500	27,4	11.099	-1,7	2,8	2,3
In-đô-nê-xi-a	1.041	59,2	7.182	4,8	1,8	1,4
Ru-ma-ni-a	782	-43,1	5.755	8,4	1,4	1,1
Nhật Bản	740	-16,9	5.009	-15,6	1,2	1,2
Ma-lai-xi-a	1.106	5,7	4.726	-31,8	1,2	1,4
Thị trường khác	4.923	-51,2	43.880	-38,0	10,9	14,5

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

Về mặt hàng: 8 tháng đầu năm 2024, Trung Quốc giảm nhập khẩu hầu hết các mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ, trong đó ghế khung gỗ, đồ nội thất phòng khách và phòng ăn là 2 mặt hàng nhập khẩu chính, tốc độ giảm của 2 mặt hàng này chậm hơn so với các mặt hàng khác.

Các mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc nhập khẩu từ Việt Nam đều ở mức thấp trong 8 tháng đầu năm 2024, vì vậy vẫn còn nhiều dư địa để các doanh nghiệp khai thác thị trường này trong thời gian tới.

Trung Quốc nhập khẩu các mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ 8 tháng đầu năm 2024

Mặt hàng (mã HS)	8 tháng năm 2024 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng (%)		Tỷ trọng NK từ Việt Nam (%)	
			8 tháng năm 2024	8 tháng năm 2023	8 tháng năm 2024	8 tháng năm 2023
Tổng	**403.018**	**-17,1**	**100,0**	**100,0**	**10,9**	**9,0**
Ghế khung gỗ (940161 + 940169)	139.671	-15,9	34,7	34,1	13,7	11,5
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn (940360)	123.204	-11,3	30,6	28,6	13,5	11,9
Đồ nội thất nhà bếp (940340)	85.549	-10,8	21,2	19,7	0,2	0,2
Đồ nội thất phòng ngủ (940350)	50.342	-35,9	12,5	16,2	14,7	9,4
Đồ nội thất văn phòng (940330)	4.253	-38,9	1,1	1,4	13,9	8,5

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

HOA KỲ RÀ SOÁT HÀNH CHÍNH THUẾ CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ ĐỐI VỚI SẢN PHẨM CÁ TRA - BASA CỦA VIỆT NAM

Theo Cục Phòng vệ Thương mại - Bộ Công Thương, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) đã đăng thông báo khởi xướng rà soát hành chính đối với sản phẩm cá tra – basa phi lê đông lạnh của Việt Nam đang bị áp thuế chống bán phá giá (mã vụ việc: A-552-801, thời kỳ rà soát từ 01/8/2023 - 31/7/2024).

Theo quy định pháp luật của Hoa Kỳ, trong vòng 35 ngày kể từ ngày đăng thông báo khởi xướng rà soát (dự kiến ngày 25 tháng 10 năm 2024), DOC sẽ tiến hành lựa chọn các doanh nghiệp làm bị đơn bắt buộc trong các vụ việc dựa trên lượng xuất khẩu của các doanh nghiệp từ cao tới thấp theo số liệu của Cơ quan Hải quan và Bảo vệ biên giới Hoa Kỳ (CBP) hoặc bản trả lời câu hỏi Lượng và Giá trị (Q&V) của các doanh nghiệp xuất khẩu.

Lưu ý, DOC sẽ không cộng gộp lượng xuất khẩu từ các công ty liên kết với nhau để lựa chọn bị đơn bắt buộc, trừ khi DOC đã từng quyết định như vậy trong một cuộc điều tra/rà soát trước đây trong khuôn khổ vụ việc đó.

Theo quy định, trong trường hợp doanh nghiệp sản xuất/xuất khẩu có tên trong danh sách rà soát tại thông báo khởi xướng nhưng không có hoạt động xuất khẩu trong thời kỳ rà soát, doanh nghiệp phải thông báo cho DOC trong vòng 30 ngày kể từ ngày đăng thông báo khởi xướng rà soát (dự kiến ngày 20 tháng 10 năm 2024) để DOC xem xét cách thức xử lý.

Ngoài ra, trong vòng 90 ngày kể từ ngày đăng thông báo khởi xướng, các bên có thể rút đơn yêu cầu rà soát của mình (dự kiến ngày 19 tháng 12 năm 2024). DOC có thể gia hạn thời gian 90 ngày này tùy từng vụ việc.

Bên cạnh đó, đối với những quốc gia mà Hoa Kỳ coi là nền kinh tế phi thị trường như Việt Nam, để có thể hưởng thuế suất riêng rẽ, doanh nghiệp phải đồng thời trả lời Bản câu hỏi Q&V (theo thời hạn yêu cầu) và nộp đơn xin hưởng thuế suất riêng rẽ trong vòng 30 ngày kể từ ngày đăng thông báo khởi xướng rà soát (dự kiến ngày 20 tháng 10 năm 2024).

Trường hợp doanh nghiệp không nộp đơn xin hưởng thuế suất riêng rẽ và không được chọn làm bị đơn bắt buộc, doanh nghiệp sẽ bị áp mức thuế suất toàn quốc (thông thường là mức thuế cao).

DOC dự kiến ban hành Kết luận cuối cùng của đợt rà soát muộn nhất vào ngày 31 tháng 8 năm 2025.

Để đảm bảo quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp, Cục Phòng vệ Thương mại khuyến nghị các doanh nghiệp sản xuất/xuất khẩu sản phẩm liên quan tham gia vụ việc rà soát trong trường hợp cần thiết để thay đổi mức thuế chống bán phá giá đang áp dụng, thực hiện đúng và đầy đủ các yêu cầu của cơ quan điều tra Hoa Kỳ, thường xuyên theo dõi diễn biến vụ việc và phối hợp chặt chẽ với Cục trong suốt quá trình của vụ việc để được tư vấn và hỗ trợ kịp thời.

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI BIÊN GIỚI

Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 122/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23/1/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới.

Nghị định số 122/2024/NĐ-CP có hiệu lực từ **ngày 01/12/2024.**

Thanh toán bằng tiền mặt chỉ áp dụng đối với hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới

Nghị định số 122/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP quy định về phương thức thanh toán trong hoạt động thương mại biên giới.

Nghị định số 122/2024/NĐ-CP vẫn quy định 3 phương thức thanh toán là: Thanh toán qua ngân hàng; thanh toán bù trừ giữa hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu với hàng hoá, dịch vụ nhập khẩu (phần chênh lệch thanh toán qua ngân hàng); và thanh toán bằng tiền mặt. Tuy nhiên, theo quy định mới thì phương thức thanh toán bằng tiền mặt chỉ được áp dụng đối với hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới.

Bổ sung thêm quy định về tiêu chuẩn hàng hóa trong hoạt động thương mại biên giới

Đồng thời, Nghị định số 122/2024/NĐ-CP bổ sung Điều 4a quy định về tiêu chuẩn hàng hóa trong hoạt động thương mại biên giới.

Theo đó, hàng hóa trong hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới của thương nhân, cư dân biên giới phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, chất lượng, quy định về truy xuất nguồn gốc và các điều kiện khác theo quy định pháp luật của nước nhập khẩu.

Sửa đổi điều kiện đối với chủ thể hoạt động mua bán tại chợ biên giới

Nghị định số 122/2024/NĐ-CP cũng sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 16 Nghị định 14/2018/NĐ-CP quy định về chủ thể hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới như sau:

Thương nhân, công dân mang quốc tịch Việt Nam đã đăng ký cư trú tại khu vực biên giới.

Thương nhân, công dân mang quốc tịch của nước có chung đường biên giới, có Hộ chiếu hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu và thị thực, trừ trường hợp được miễn thị thực, còn giá trị sử dụng theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 51/2019/QH14 và Luật số 23/2023/QH15; thương nhân, hộ kinh doanh, cá nhân có đăng ký kinh doanh của nước có chung đường biên giới đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật của nước có chung đường biên giới.

Sửa đổi quy định về xuất nhập cảnh người và phương tiện của Việt Nam

Ngoài ra, Nghị định số 122/2024/NĐ-CP cũng sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 của Điều 21 Nghị định 14/2018/NĐ-CP quy định về xuất nhập cảnh người và phương tiện của Việt Nam.

Cụ thể, chủ hàng hoặc người được chủ hàng ủy quyền, chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa, nhân viên phục vụ trên xe, tàu, thuyền là công dân Việt Nam thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam số 49/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 23/2023/QH15.

Riêng người điều khiển phương tiện, ngoài giấy tờ quy định nêu trên còn phải có giấy phép điều khiển phương tiện phù hợp với loại phương tiện điều khiển."

Phương tiện, người điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa và chủ thể kinh doanh của Việt Nam được đi qua các cửa khẩu, lối mở biên giới quy định tại Nghị định này để ra hoặc vào chợ biên giới của nước có chung đường biên giới, phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các lực lượng quản lý chuyên ngành tại cửa khẩu, lối mở biên giới.

Từ 01/01/2029, khi mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới, cư dân biên giới phải có mặt để làm thủ tục xuất nhập khẩu

Nghị định Nghị định số 122/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/12/2024.

Trong năm 2029, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định việc điều chỉnh số lần được miễn thuế và số tiền được miễn thuế cho nhập khẩu hàng hoá theo hình thức mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2029, khi thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới, cư dân biên giới phải có mặt để làm thủ tục xuất nhập khẩu.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2030, hàng hoá chỉ được làm thủ tục xuất nhập khẩu tại các cửa khẩu quốc tế; cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương); cửa khẩu phụ; lối thông quan, đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa thuộc cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương); lối mở biên giới đã hoàn thành trình tự mở, nâng cấp cửa khẩu biên giới, lối mở biên giới theo quy định pháp luật hiện hành và đã đạt thỏa thuận song phương về cho phép xuất khẩu, nhập khẩu, trao đổi hàng hóa.

HÀN QUỐC TĂNG KIỂM TRA VỀ MÀU TỔNG HỢP HỮU CƠ TRONG THỰC PHẨM NHẬP KHẨU

Theo Văn phòng Thông báo và Điểm hỏi đáp quốc gia về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động thực vật Việt Nam (SPS Việt Nam), Bộ An toàn Thực phẩm và Dược phẩm Hàn Quốc (MFDS) đã có thông báo kiểm tra các cơ sở sản xuất, xuất khẩu thực phẩm của Việt Nam xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Theo đó, MFDS sẽ mở rộng phạm vi các loại thực phẩm phải chịu lệnh kiểm tra gồm các mặt

hàng có nhiều trường hợp không tuân thủ quy định khi kiểm tra tại biên giới hoặc có lo ngại về rủi ro an toàn.

Trong thời gian từ ngày 30/9/2024 - 29/9/2025, MFDS sẽ tăng cường kiểm tra về màu tổng hợp hữu cơ (Tar Color) của thực phẩm bảo quản bằng đường (trừ sản phẩm được đóng gói kín và tiệt trùng bằng nhiệt) đối với 7 cơ sở sản xuất thực phẩm của Việt Nam.

Danh sách 7 doanh nghiệp sẽ chịu sự kiểm tra của MFDS từ ngày 30/9/2024 - 29/9/2025 là: Chi nhánh Công ty TNHH ATL Global (Lô 1, Khu Công nghiệp Định Quân, xã La Ngà, huyện Định Quán, Đồng Nai); Công ty cổ phần Thực phẩm Quốc tế C&C (Tiểu Khu 20, thị trấn Hát Lót, Mai Sơn, Sơn La); Công ty TNHH Sunrise Ins (Đường DT 846 Ấp 5, xã Đốc Binh Kiều, Tháp Mười, Đồng Tháp).

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Hoàng Tuấn Khoa (1/2 Ấp 4, xã Đông Thạnh, Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh); Công ty TNHH One Food Việt Nam (số 8 Đinh Tiên Hoàng, phường Kỳ Bà, Thái Bình); Công ty TNHH Sao Khuê SG (số 34A, đường 609, Ấp Trung Viết, xã Phước Hiệp, Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh); Công ty TNHH Lê Trung Thiên (450 Nguyễn Xiển, phường Long Thành Mỹ, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh).

Theo Văn phòng SPS Việt Nam, các cá nhân hoặc tổ chức có ý định xuất khẩu thực phẩm sang Hàn Quốc phải được phía Hàn Quốc kiểm tra và nộp báo cáo thử nghiệm do các phòng thí nghiệm được MFDS chấp thuận khi làm tờ khai nhập khẩu. Các phòng thí nghiệm được công nhận không chỉ có ở Hàn Quốc mà còn ở nhiều quốc gia khác. Danh sách các phòng kiểm nghiệm đã được phía Hàn Quốc quy định rất rõ. Doanh nghiệp kiểm nghiệm sản phẩm không đúng phòng thí nghiệm chỉ định sẽ không được phía Hàn Quốc công nhận.

MFDS yêu cầu các nước xuất khẩu phải đảm bảo thực phẩm chịu lệnh kiểm tra được sản xuất tuân thủ các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật hiện hành của Hàn Quốc. MFDS đánh giá cao sự hợp tác và hỗ trợ của phía Việt Nam và mong muốn được hợp tác chặt chẽ về các vấn đề an toàn thực phẩm.

Doanh nghiệp muốn xuất khẩu thực phẩm chế biến sang Hàn Quốc có thể liên hệ với văn phòng SPS Việt Nam để được hỗ trợ về: trao đổi với Hàn Quốc để thống nhất cần kiểm nghiệm chỉ tiêu nào trước khi xuất khẩu, vì có thể tùy từng sản phẩm sẽ có quy định khác nhau.

Lưu ý:
Thông tin sử dụng trong bản tin được thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Thông tin trong bản tin chỉ mang tính tham khảo, các ước tính, dự báo có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi bởi những biến động thị trường.
Rất mong nhận được sự phản hồi, trao đổi thông tin và đóng góp ý kiến của độc giả để Bản tin ngày càng chất lượng hơn.